CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ TP HÀ NỘI

Số: 611/BC-TKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Mười và 10 tháng năm 2026

Tình hình kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội tháng Mười và 10 tháng năm 2026 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới còn nhiều yếu tố phức tạp, khó lường; biến động giá năng lượng, nguyên vật liệu, chi phí vận tải và nhu cầu tại các thị trường xuất khẩu tiếp tục ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh và đời sống dân cư. Trong nước, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, các chính sách thúc đẩy tăng trưởng, hỗ trợ doanh nghiệp, kích cầu tiêu dùng và đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công tiếp tục được triển khai. Thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, điều hành theo kịch bản tăng trưởng từng ngành, lĩnh vực, tháo gỡ các điểm nghẽn về thủ tục, hạ tầng, nguồn lực đầu tư; đồng thời củng cố hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân.

Trên cơ sở kết quả thực hiện kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2026, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Văn bản số 5245/UBND-KT ngày 15/10/2026 về việc cập nhật, điều chỉnh kịch bản tăng trưởng tại Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 23/7/2026 của Chủ tịch UBND Thành phố. Theo đó, để phát huy tối đa các động lực tăng trưởng, bù đắp phần chưa đạt trong 9 tháng và phấn đấu hoàn thành mục tiêu tăng trưởng năm 2026, Chủ tịch UBND Thành phố đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành và UBND các xã, phường, tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong quý IV/2026. Trọng tâm là đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư công, nhất là các công trình, dự án trọng điểm; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đất đai, giải phóng mặt bằng và thủ tục đầu tư; thúc đẩy sản xuất công nghiệp, xuất khẩu, thương mại, dịch vụ và tiêu dùng; tăng cường thu hút đầu tư, khơi thông nguồn lực tín dụng, phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số. Đồng thời, yêu cầu các đơn vị cụ thể hóa nhiệm vụ thành các chỉ tiêu, sản lượng, doanh thu và kết quả đầu ra; phân công rõ trách nhiệm, thời hạn thực hiện, tăng cường kiểm tra, đôn đốc và đánh giá tiến độ hằng tuần, kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 từ 11% trở lên.

Theo đó, trong tháng Mười hoạt động kinh tế trên địa bàn Thành phố tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực ở nhiều lĩnh vực. Chỉ số sản xuất công

nghiệp (IIP) ước tăng 9,9% so với cùng kỳ năm trước; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 104,2 nghìn tỷ đồng, tăng 19,8%; doanh thu vận tải, hoạt động hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát đạt 27,6 nghìn tỷ đồng, tăng 25,2%; vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý đạt gần 20,0 nghìn tỷ đồng, gấp 2,1 lần cùng kỳ; hoạt động du lịch tiếp tục phục hồi, mở rộng; kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng 10,7% so với tháng 10/2025. Thị trường hàng hóa cơ bản ổn định, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu được bảo đảm; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 0,15% so với tháng trước.

Tính chung 10 tháng năm 2026, sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch và văn hóa tiếp tục đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế Thủ đô. Các chính sách tạo việc làm, bảo hiểm, giáo dục, y tế, chăm sóc người có công và trợ giúp xã hội được quan tâm thực hiện; công tác phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được triển khai. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất, kinh doanh vẫn chịu áp lực từ chi phí đầu vào, biến động thị trường và sức cạnh tranh; số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, giải thể tăng, nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu và mặt bằng giá tiêu dùng duy trì mức tăng so với cùng kỳ. Những kết quả và vấn đề đặt ra của từng ngành, lĩnh vực được phản ánh cụ thể dưới đây.

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Nông nghiệp

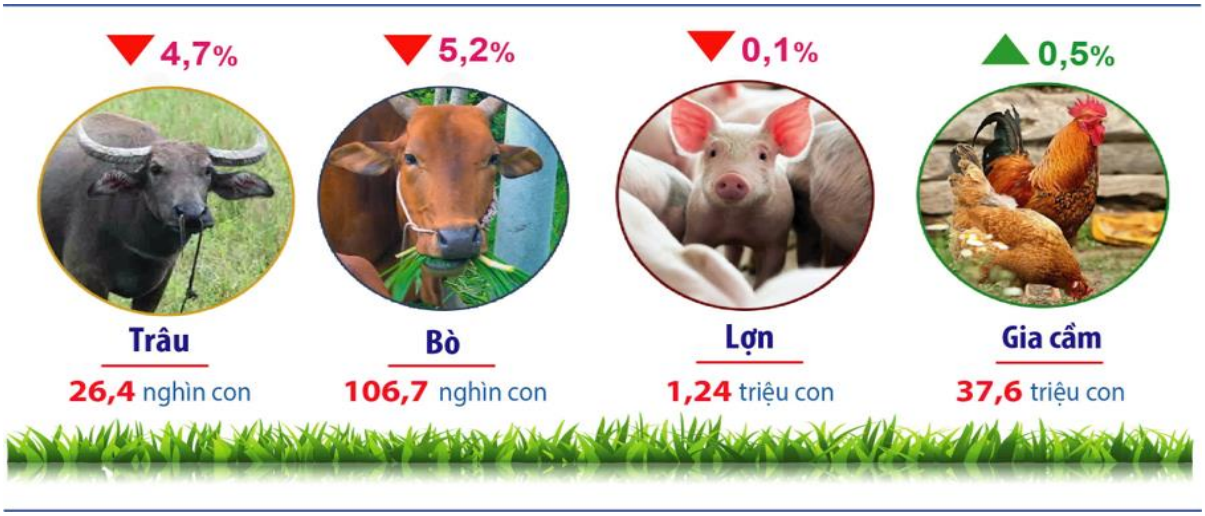
Sản xuất nông nghiệp trong tháng trên địa bàn Thành phố tập trung chủ yếu vào công tác thu hoạch lúa, cây màu vụ mùa và gieo trồng cây vụ Đông; chăm sóc, phát triển đàn gia súc, gia cầm. Tính đến 20/10, toàn Thành phố thu hoạch được 56,1 nghìn ha lúa vụ Mùa, chiếm 96,3% diện tích gieo cấy và bằng 85,7% so với cùng kỳ năm trước. Hiện trên địa bàn còn một số diện tích lúa nếp cái hoa vàng chưa thu hoạch. Năng suất lúa vụ mùa trên địa bàn năm nay ước đạt 59,5 tạ/ha, tăng 3,6 tạ/ha so cùng kỳ năm trước. Năng suất lúa ước tăng so với vụ mùa năm trước do điều kiện thời tiết nông vụ nhìn chung thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt; chất lượng giống đưa vào sản xuất ngày càng nâng cao.

Về cây hàng năm khác vụ Đông, tính đến 20/10/2026, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm khác vụ Đông trên địa bàn ước đạt 18,1 nghìn ha, tăng 59,2% so với cùng kỳ năm trước (đạt 63,7% kế hoạch sản xuất). Trong đó, diện tích trồng Ngô đạt 3.327 ha, tăng 47,3%; 453 ha khoai lang, gấp 3,1 lần; 499 ha đậu tương, tăng 56,4%; 205 ha lạc, gấp 2,7 lần; 9.198 ha rau, tăng 64,3%; 154 ha đậu, gấp 3,1 lần.

Chăn nuôi trong tháng nhìn chung ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra; giá bán thịt lợn hơi giảm so với tháng trước; giá thức ăn chăn nuôi có xu hướng tăng trở lại gây áp lực lên chi phí sản xuất chăn nuôi. Đến nay đàn lợn (không bao gồm lợn con chưa tách mẹ) có 1.241 nghìn con, giảm 0,1% so với cùng kỳ; đàn trâu 26,4 nghìn con, giảm 4,7%; đàn bò 106,7 nghìn con, giảm 5,2%; đàn gia cầm 37,6 triệu con, tăng 0,5% (đàn gà 28,5 triệu con, tăng 0,5%).

Số lượng gia súc, gia cầm có đến cuối tháng Mười năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



Tình hình dịch bệnh: Trong tháng 10/2026, bệnh Dịch tả lợn châu Phi ghi nhận 26 hộ chăn nuôi trên địa bàn 13 thôn tại 02 xã Yên Bài và Yên Lãng, tiêu hủy 1.802 con, trọng lượng 64,8 tấn thịt; bệnh Cúm gia cầm (Cúm A/H5N1) trên địa bàn không phát sinh. Lũy kế 10 tháng năm 2026, dịch tả lợn châu Phi xuất hiện tại 59 hộ trên địa bàn 40 thôn thuộc 17 xã, phường, tổng số lợn tiêu hủy 6.509 con, tương đương 227,4 tấn thịt; bệnh Cúm gia cầm (Cúm A/H5N1) phát sinh tại 03 hộ trên địa bàn 03 thôn thuộc 03 xã Liên Minh, Bất Bạt và Vật Lại, tổng số gia cầm đã tiêu hủy 5.680 con, trọng lượng 8,3 tấn.

Hiện nay, ổ Dịch tả lợn châu Phi trên địa bàn Thành phố vẫn có khả năng phát sinh bệnh. Các ngành chức năng của Thành phố tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh tại cơ sở; tăng cường kiểm tra tình hình chăn nuôi để kịp thời phát hiện, khoanh vùng và xử lý nhanh gọn khi có ổ dịch xảy ra; tổ chức tiêm phòng tốt các loại vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm theo kế hoạch.

1.2. Lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất lâm nghiệp trong tháng tập trung vào công tác chăm sóc, bảo vệ rừng. Tháng Mười sản lượng gỗ khai thác ước đạt 1.990 m^3, giảm 4,8% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 10 tháng năm 2026, diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 134 ha, bằng 95,7% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 514 nghìn cây, bằng 95,2%; sản lượng gỗ khai thác đạt 17,2 nghìn m^3, bằng 95,0%.

Trong tháng trên địa bàn không xảy ra cháy gây thiệt hại về rừng. Lũy kế từ đầu năm đến nay, trên địa bàn xảy ra 05 vụ cháy rừng với diện tích 3,4 ha, chủ yếu cháy thảm thực bì, cây bụi không ảnh hưởng lớn đến tài nguyên rừng.

Sản xuất thủy sản ổn định, diện tích thả nuôi tháng Mười ước đạt 2.000 ha, tăng 0,7% so cùng kỳ năm 2025; tổng sản lượng thủy sản ước đạt 13,8 nghìn tấn, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 13,6 nghìn tấn (chủ yếu sản lượng cá), tăng 5,4%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 171 tấn, giảm 1,2%. Tính chung 10 tháng năm 2026, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 23,0 nghìn ha, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước; tổng sản lượng thủy sản đạt 114,6 nghìn tấn, tăng 5,2%. Trong đó, sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 113,1 nghìn tấn, tăng 5,2%; sản lượng thủy sản khai thác 1,5 nghìn tấn, giảm 0,5%.

2. Sản xuất công nghiệp

Trong tháng Mười, hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế Thủ đô. Các doanh nghiệp công nghiệp chủ động triển khai kế hoạch sản xuất, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các đơn hàng, nhất là các đơn hàng phục vụ xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng trong nước dịp cuối năm. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò động lực chính, trong khi hoạt động sản xuất, phân phối điện và cung cấp nước được duy trì ổn định. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu và biến động thị trường quốc tế vẫn tạo áp lực đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Thành phố tiếp tục triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất công nghiệp phát triển ổn định và bền vững.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 10/2026 ước tăng 0,8% so với tháng 9/2026, tăng 9,9% so với tháng 10/2025, tính chung 10 tháng năm 2026 tăng 9,0% so với cùng kỳ năm 2025.

Ngành công nghiệp khai khoáng: Chỉ số IIP tháng 10/2026 tăng 9,1% so với tháng 10/2025, cộng dồn 10 tháng năm 2026 tăng 8,3% so với cộng dồn 10 tháng năm 2025. Hoạt động khai khoáng trên địa bàn chủ yếu là khai thác đá, cát, sỏi phục vụ xây dựng, chỉ số IIP ngành này tăng cao do trên địa bàn thành phố có nhiều công trình đang được đẩy nhanh tiến độ xây dựng.

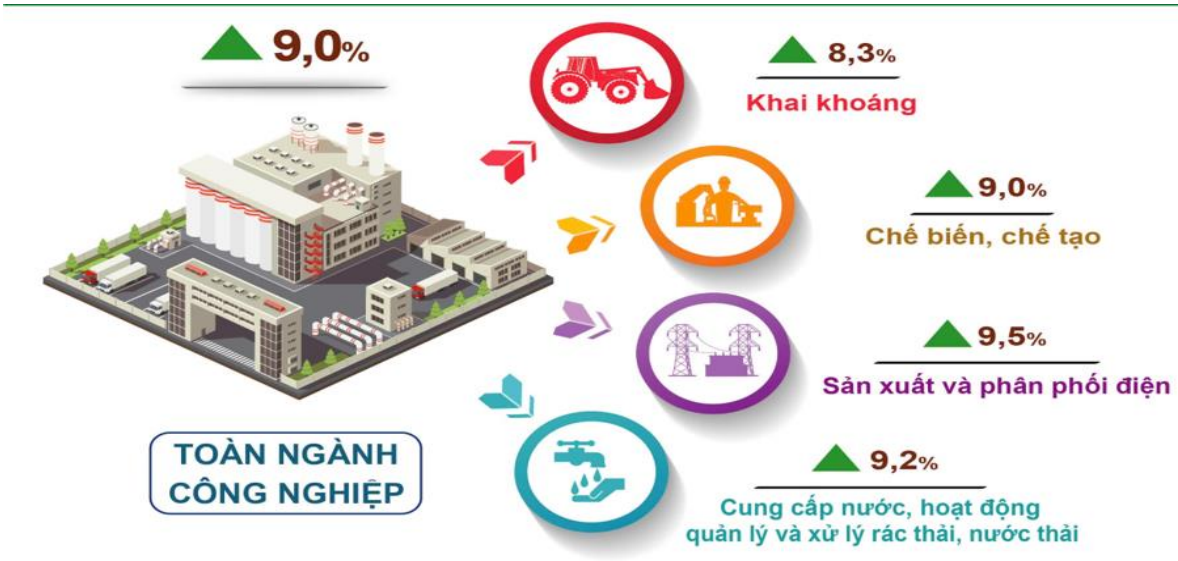
Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo**:** Tiếp tục là động lực chính tăng trưởng của toàn ngành công nghiệp thành phố Hà Nội. Chỉ số IIP ngành chế biến, chế tạo tháng 10/2026 tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó 22/23 ngành sản xuất có chỉ số IIP tăng so với cùng kỳ như: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học

tăng 19,4%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 18,8%; sản xuất thiết bị điện tăng 13,1%; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu tăng 13,0%; sản xuất thuốc lá tăng 12,6%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 11,6%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại tăng 10,8%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 10,7%; sản xuất kim loại tăng 10,4%... Riêng ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm nhẹ 0,1%.

Cộng dồn 10 tháng năm 2026, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp, chế biến, chế tạo tăng 9,0% so với 10 tháng năm 2025. Trong đó nhiều ngành có tốc độ tăng trưởng cao như: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 18,6%; sản xuất sản phẩm cao su và plastic tăng 14,3%; sản xuất kim loại tăng 14,2%; sản xuất phương tiện vận tải tăng 13,1%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại tăng 12,4%; sản xuất đồ uống tăng 11,6%; sản xuất thiết bị điện tăng 11,0%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 10,3%... Có 2/23 ngành chỉ số IIP giảm so với cùng kỳ năm trước là sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 3,6% và sản xuất trang phục giảm 0,5% do nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu chưa phục hồi mạnh, chi phí đầu vào cao và áp lực cạnh tranh ngày càng lớn.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



Ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí: Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10/2026 giảm 3,8% so với tháng trước, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước; cộng dồn 10 tháng năm 2026 chỉ số IIP ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 9,5% so với 10 tháng năm 2025 phản ánh nhu cầu điện năng cho sản xuất và sinh hoạt tăng trưởng ổn định cùng với quy mô phát triển của thành phố Hà Nội.

Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải: Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP của ngành tháng 10/2026 tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2025, cộng dồn 10 tháng năm 2026 chỉ số IIP ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,2% so với 10 tháng năm 2025. Khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động phá dỡ công trình phục vụ giải phóng mặt bằng cho các dự án trọng điểm trên địa bàn Thành phố đã làm tăng đáng kể sản lượng xử lý rác thải của ngành. Hoạt động cung cấp nước sạch, thu gom xử lý nước thải, chất thải được các đơn vị duy trì thường xuyên, liên tục đảm bảo vệ sinh Thủ đô được xanh, sạch, đẹp.

Tình hình sử dụng lao động tại các doanh nghiệp: Chỉ số sử dụng lao động trong tháng 10/2026 ước tăng nhẹ 0,4% so với tháng 9/2026, tăng 1,4% so với tháng 10/2025, cộng dồn 10 tháng năm 2026 ước tăng 0,8% so với 10 tháng năm 2025. Chỉ số lao động 10 tháng năm 2026 so với 10 tháng năm 2025 chia theo khu vực: Khu vực Nhà nước ước tăng 3,0%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước tăng 2,0%; khu vực ngoài nhà nước giảm 1,9%. Một số ngành có chỉ số lao động tăng cao là: Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 27,5%; sản xuất kim loại tăng 12,2%; sản xuất thiết bị điện tăng 10,1%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại tăng 6,3%.

Tốc độ tăng/giảm một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

(So với cùng kỳ năm trước)

Đơn vị tính: %

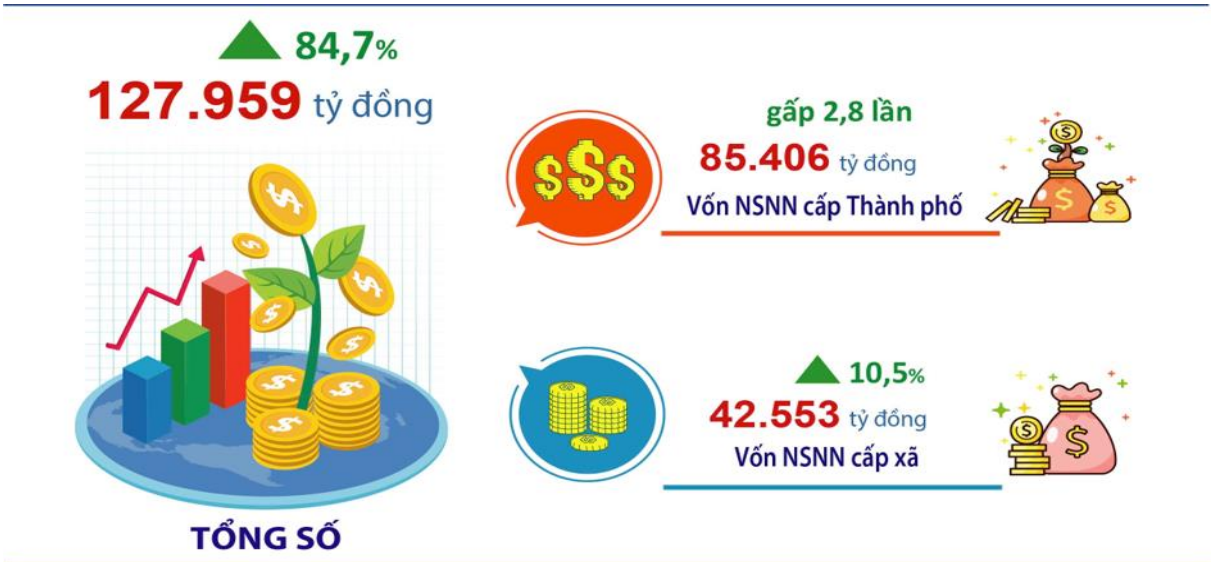
	Tháng Mười năm 2026	10 tháng năm 2026
Một số sản phẩm tăng		
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	131,1	160,2
Cửa bằng plastic	110,4	150,6
Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhăn)	150,8	142,5
Máy copy - in	128,6	138,4
SP vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	165,4	130,6
Thuốc dạng viên các loại	280,6	121,1
Trạm (thiết bị) thu phát gốc	179,7	116,9
Một số sản phẩm giảm		
Bộ phận thiết bị và điều khiển điện	96,3	78,4
Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời	73,8	80,0
Thuốc kháng sinh dạng bột/ cốm	62,7	84,4
Sữa và kem chưa cô đặc	84,4	85,7
Quần áo người lớn	97,8	90,3
Bàn bằng gỗ các loại	94,9	94,4

3. Thực hiện vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước

Trong tháng Mười, công tác giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn Thành phố tiếp tục duy trì đà tăng tích cực, phản ánh những chuyển biến rõ nét trong công tác giải phóng mặt bằng, cải cách thủ tục đầu tư và tăng cường điều hành, giám sát tiến độ dự án. Nhiều công trình hạ tầng trọng điểm được đẩy nhanh tiến độ thi công, góp phần nâng cao khả năng hấp thụ vốn và tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế Thủ đô trong những tháng cuối năm.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước (NSNN) do địa phương quản lý tháng 10/2026 ước đạt 19.990 tỷ đồng, tăng 5,8% so với tháng trước và gấp 2,1 lần cùng kỳ năm 2025. Trong đó, vốn NSNN cấp Thành phố đạt 14.403 tỷ đồng, tăng 4,7% so với tháng trước và gấp 3,4 lần cùng kỳ; vốn NSNN cấp xã đạt 5.587 tỷ đồng, tăng 8,7% so với tháng trước và tăng 3,1% so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng năm 2026, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN do địa phương quản lý đạt 127.959 tỷ đồng, tăng 84,7% so với cùng kỳ và bằng 74,8% kế hoạch năm, trong đó: Cấp Thành phố đạt 85.406 tỷ đồng, gấp 2,8 lần cùng kỳ, hoàn thành 83,8% kế hoạch năm; cấp xã đạt 42.553 tỷ đồng, tăng 10,5% và hoàn thành 61,6%.

Vốn đầu tư thực hiện từ NSNN do địa phương quản lý
10 tháng năm 2026 *(So với cùng kỳ năm trước)*



Tiến độ tại nhiều dự án hạ tầng chiến lược tiếp tục ghi nhận những bước chuyển biến rõ nét. Dự án cầu Trần Hưng Đạo sau gần một năm khởi công đã bước vào giai đoạn lắp dựng kết cấu phần trên, toàn bộ 128 cọc khoan nhồi và 7 bệ trụ cầu chính đã hoàn thành, 5 trụ chính giữa sông Hồng đạt gần 100% khối lượng; các nhà thầu đang triển khai lắp dầm chủ, dầm ngang và cấu kiện thép lớn tại các nhịp chính, với khoảng 26.275 tấn thép đã được nhập về gia công. Dự án Vành đai 2,5 (tổng chiều dài gần 20 km) đã thông xe kỹ thuật nhiều đoạn

tuyến nhân dịp kỷ niệm 72 năm Ngày Giải phóng Thủ đô (10/10). Dự án Vành đai 4 - Vùng Thủ đô tiếp tục được đẩy nhanh tiến độ, tính đến đầu tháng 10/2026, các nhà thầu đã thảm bê tông nhựa khoảng 40/50,85 km đường song hành; ngày 10/10, Hà Nội đã thông xe kỹ thuật 15 km đoạn từ khu vực cầu Hồng Hà đến nút giao Đại lộ Thăng Long, đồng thời đặt mục tiêu thông xe thêm 22 km trong tháng 11/2026.

Nguồn lực đầu tư công tiếp tục được bổ sung và tập trung cho các dự án có tính lan tỏa cao. Trong những tháng cuối năm, Thành phố tiếp tục yêu cầu các chủ đầu tư lập tiến độ giải ngân chi tiết đến từng dự án theo tuần, tháng, gắn kết quả thực hiện với trách nhiệm người đứng đầu. Ngày 19/10/2026, UBND Thành phố ban hành Văn bản số 5304/UBND-KT về thí điểm chấm điểm, xếp loại kết quả giải ngân vốn đầu tư công trong quý IV/2026, trong đó kết quả cả năm là một trong các căn cứ đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân. Tính đến ngày 15/10/2026, Hà Nội tiếp tục dẫn đầu cả nước về tiến độ giải ngân ở mức cao với 118.200 tỷ đồng, được kỳ vọng tiếp tục phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công, tạo hiệu ứng lan tỏa và thu hút thêm nguồn vốn đầu tư tư nhân, FDI vào các lĩnh vực hạ tầng và phát triển đô thị của Thủ đô.

4. Tình hình triển khai một số dự án thuộc vốn ngân sách nhà nước

(1) Nhóm dự án đường Vành đai.

* *Dự án Vành đai 1 đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục* đang bước vào giai đoạn hoàn thiện đồng bộ sau khi thông xe kỹ thuật vào đầu tháng 9/2026. Các nhà thầu tiếp tục tổ chức thi công cuốn chiếu, hoàn tất các hạng mục thoát nước, hào kỹ thuật, tường chắn, vỉa hè, chiếu sáng và cây xanh trên toàn tuyến. Hai cầu vượt tại nút giao Láng Hạ - Giảng Võ và nút giao Nguyễn Chí Thanh đang được tập trung thi công với mục tiêu hoàn thành trước ngày 31/12/2026. Bên cạnh đó, dự án bãi đỗ xe kết hợp cây xanh (diện tích khoảng 6.803 m²) tại khu vực giữa đường Vành đai 1 và đường La Thành cũng đang được chuẩn bị triển khai, phấn đấu hoàn thành trong tháng 12/2026.

* *Dự án đường Vành đai 2,5* (tổng chiều dài gần 20 km) đã thông xe kỹ thuật nhiều đoạn tuyến nhân dịp 10/10/2026, một số đoạn đã cho phương tiện lưu thông trên phần mặt đường hoàn thành, trong khi các hạng mục vỉa hè, cây xanh và chiếu sáng tiếp tục được hoàn thiện. Đối với đoạn Đầm Hồng - Quốc lộ 1A (hợp đồng BT), công tác GPMB đã đạt 100% (67.125/67.125 m²); nhà đầu tư cơ bản hoàn thành toàn bộ 1,6 km tuyến đường và đưa vào thông xe kỹ thuật đồng bộ với dự án Hầm chui đường 2,5 - đường Giải Phóng. Đối với các đoạn Dịch Vọng - Dương Đình Nghệ, Vũ Phạm Hàm - Trần Duy Hưng và Ngụy Như Kon Tum - Nguyễn Trãi, công tác GPMB cũng đạt 100% với tổng diện tích

101.898 m², sản lượng thi công đạt khoảng 60,24% giá trị hợp đồng. Trong đó, đoạn Dịch Vọng - Dương Đình Nghệ đạt khoảng 90% khối lượng, đã thảm BTN C16 bên phải và BTN C19 bên trái tuyến, đang hoàn thiện vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng và đã thông xe kỹ thuật dịp 10/10/2026; đoạn Vũ Phạm Hàm - Trần Duy Hưng cơ bản hoàn thành hệ thống thoát nước mưa và nước thải, đã thảm BTN C19 bên phải, đang thi công nền mặt đường bên trái cùng các hạng mục còn lại; đoạn Ngụy Như Kon Tum - Nguyễn Trãi cơ bản hoàn thành thoát nước mưa, đang triển khai hệ thống thoát nước thải và nền mặt đường. Toàn dự án phấn đấu hoàn thành vào cuối tháng 11/2026.

** Dự án đường Vành đai 3,5 đoạn từ cầu Thượng Cát đến QL32* (chiều dài 3,5 km) GPMB đạt 80,19% (20,4/25,4 ha), trong đó phường Thượng Cát 6,0/6,0 ha (100%), xã Hoài Đức 1,5/1,5 ha (100%), phường Tây Tựu 10,75/13,68 ha, xã Ô Diên 2,1/4,2 ha; các địa phương đang tiếp tục GPMB phần còn lại. Sản lượng thi công đạt 3,9% giá trị hợp đồng; đã đúc 579/816 đốt hào kỹ thuật, 575 cấu kiện nắp hào, 38/54 phiến dầm; đào nền đường 600 m đầu tuyến, đắp cát K95 đoạn 150 m đầu tuyến.

**Dự án Vành đai 4 - Vùng Thủ đô* tiếp tục duy trì nhịp độ thi công cao trên cả ba dự án thành phần. Dự án thành phần 2.1 (đường song hành địa phận Hà Nội, GPMB 100%): Sản lượng đạt khoảng 92,0% (3.940/4.282 tỷ đồng); 4 gói thầu xây lắp đang tập trung hoàn thiện các hạng mục thảm bê tông nhựa, chiếu sáng, an toàn giao thông và một số hạng mục nền đường, thoát nước, tuynel kỹ thuật mới đủ điều kiện mặt bằng. Đến nay đã thảm khoảng 42/50,9 km bê tông nhựa (BTN HHR25 khoảng 42 km, BTN C19 khoảng 38 km, BTNP C16 khoảng 29 km).

Dự án thành phần 3 (đường cao tốc BOT, GPMB 100%): Doanh nghiệp dự án bố trí 43 mũi thi công cho 9 gói thầu; đã hoàn thành 1.973/1.979 cọc khoan nhồi, 192 bệ trụ, 169 thân trụ, 62 xà mũ, đúc 484 phiến dầm Super-T, 16 khối K0, 38 khối Ki; lao lắp 9 nhịp (52 phiến dầm); đổ bản mặt cầu 5 nhịp. Các mũi thi công tập trung vào cọc khoan nhồi cầu Hồng Hà, cầu Mễ Sở, cầu Hoài Thượng và các cầu dẫn, nút giao thuộc tiểu dự án đầu tư công.

(2) Nhóm Dự án 07 cầu lớn vượt sông Hồng.

Hà Nội đang đồng loạt triển khai 7 dự án cầu vượt sông Hồng gồm Tứ Liên, Ngọc Hồi, Trần Hưng Đạo, Thượng Cát, Vân Phúc, Hồng Hà và Mễ Sở, với mục tiêu phấn đấu hoàn thành vào quý II/2027 để phục vụ Hội nghị APEC 2027. Tính đến tháng 10/2026, toàn bộ mặt bằng theo chỉ giới 7 dự án cầu vượt sông Hồng đã cơ bản được bàn giao; riêng cầu Thượng Cát cần GPMB bổ sung khoảng 1,15 ha (phường Thượng Cát 0,03 ha, xã Thiên Lộc 1,12 ha) theo Quyết

định số 3851/QĐ-UBND ngày 30/7/2026; cầu Vân Phúc cần GPMB bổ sung khoảng 1,48 ha (xã Phúc Lộc 0,9 ha, xã Phúc Thọ 0,58 ha), đang triển khai điều tra, kiểm đếm.

Cầu Hồng Hà (Vành đai 4, GPMB 100%) đạt 51,0% giá trị hợp đồng (2.028/3.975 tỷ đồng), triển khai 30 mũi thi công; đã hoàn thành 941/941 cọc khoan nhồi, đổ bê tông 69/70 bệ, thân trụ 63/70 (199/226 đốt), xà mũ 20/70 trụ (46/147 đợt); đúc hẫng đốt K0 đạt 10/19 trụ, hoàn thành 4/758 đốt đúc hẫng; đúc 177/450 dầm Super-T, lao lắp 2/45 nhịp.

Cầu Mễ Sở (Vành đai 4, GPMB 100% cả Hà Nội và Hưng Yên) đạt 48,7% (876,22/1.800 tỷ đồng), phấn đấu hoàn thành trước APEC 2027; cầu chính: 116/116 cọc, 5/6 bệ, 2/6 thân trụ (MSP3 đạt 2/6 đợt, MSP4 đạt 4/6 đợt, MSP5 đạt 2/4 đợt); cầu dẫn: 374/374 cọc, 46/66 bệ, 34/66 thân, 21/66 xà mũ, đúc 99/392 và lao lắp 52/392 dầm Super-T; cầu vượt đê Tả Hồng (đúc hẫng): hoàn thành 40/40 cọc, 4/4 bệ, 4/4 thân, 2/2 xà mũ; nhánh kết nối đường Di Sản: 60/186 cọc.

Dự án thành phần 3: Cầu Trần Hưng Đạo và đường dẫn hai đầu cầu (GPMB 100% với 31,1 ha) đạt 40,15% (2.923/7.280 tỷ đồng), triển khai 28 mũi thi công; cầu chính 128/128 cọc, 7/7 bệ, đang gia công 5/6 nhịp dầm thép, TC7 hoàn thành căng kéo cáp dự ứng lực; cầu dẫn Long Biên – cầu vượt Cổ Linh: 237/244 cọc, 25/30 bệ, 23/30 thân, đúc 9/52 khối dầm; nút giao Cổ Linh 260/284 cọc, 74/264 thân trụ dẻo; cầu dẫn nút giao Hoàn Kiếm 177/207 cọc, 23/40 bệ, 20/40 thân.

Cầu Vân Phúc (GPMB 100%, 28,98 ha) đạt 32,6% (748,4/2.298 tỷ đồng); cầu chính 102/102 cọc; cầu dẫn 564/713 cọc, đúc 332/868 dầm, 58/72 bệ, 29/69 xà mũ, gác 14/73 nhịp; trụ đúc hẫng P52–P55 hoàn thành cọc ván thép và khung vây trụ P53, đang triển khai P52, P54, P55.

Dự án thành phần 2: Cầu Tứ Liên và đường dẫn hai đầu cầu (GPMB 100%, 62,5 ha) đạt 23,4% (2.203/9.418 tỷ đồng); cầu chính 84/84 cọc và 2/2 bệ trụ tháp P37–P38, đang thi công thân tháp đốt K1–K4; nút giao Trường Sa 135/346 cọc, 4/77 bệ; cầu dẫn Đông Anh 165/208 cọc, 3,5/14 bệ; hầm chui QL5 1.125/1.336 cọc, 6/27 đốt hầm; nút giao Nghi Tàm: 167/167 cọc, 17/23 bệ, 6/23 thân; cầu dẫn Nghi Tàm: 428/642 cọc, 13/76 bệ.

Dự án thành phần 3: Cầu Ngọc Hồi và đường dẫn hai đầu cầu (GPMB 54,73/55,26 ha, Hà Nội 100%, Hưng Yên 97,6%) đạt 24,46% (1.803/7.371 tỷ đồng), phấn đấu hoàn thành trước APEC 2027; cầu chính 80/80 cọc 2 trụ tháp, đang thi công bệ trụ T41–T42; cầu dẫn (18 mũi thi công) 2.098/2.315 cọc, đúc 393/2.179 dầm Super-T, 178/328 bệ, 112/328 thân, 49/328 xà mũ, lao lắp 70/2.179 dầm.

Dự án thành phần 2: Cầu Thượng Cát và đường dẫn hai đầu cầu (GPMB 23,59/23,59 ha, đang cắm mốc bổ sung 1,15 ha) đạt 18,05% (965,78/5.349,78 tỷ đồng); cầu chính 118/118 cọc trụ P29–P33, 3/3 bệ, thân trụ P31 đạt đốt K3/32, P29 đạt đốt K1; cầu dẫn 526/1.036 cọc, đúc 163 dầm Super-T, 18/71 bệ, 11/71 thân; phần đường đang đắp nền và đường công vụ.

UBND Thành phố yêu cầu các chủ đầu tư và nhà thầu bám sát tiến độ từng hạng mục theo "đường găng", cập nhật báo cáo theo tuần và tháng; đồng thời tăng cường ứng dụng máy móc, công nghệ hiện đại để rút ngắn thời gian thi công, gắn kết quả thực hiện với trách nhiệm người đứng đầu, bảo đảm 7 công trình về đích đúng kế hoạch phục vụ Hội nghị APEC 2027.

(3) Dự án đường quốc lộ và các tuyến đường trọng điểm khác.

Dự án cải tạo, nâng cấp QL6, đoạn Ba La - Xuân Mai: (tổng chiều dài khoảng 21,7 km, mặt cắt ngang rộng 50-60 m) đang bước vào giai đoạn tăng tốc thi công. Toàn bộ 105,9 ha diện tích giải phóng mặt bằng đã được bàn giao cho nhà thầu, tạo điều kiện để các đơn vị triển khai đồng loạt trên toàn tuyến. Các mũi thi công đang tập trung hoàn thiện hệ thống cống thu gom nước thải, đắp nền đường, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và di dời hệ thống cột điện. Tại một số vị trí, nền đường đã cơ bản thành hình, đang được lu lèn chuẩn bị cho công đoạn thảm nhựa. Tại hạng mục cầu Mai Lĩnh - một trong những công trình quan trọng nhất trên tuyến - nhà thầu đã hoàn thành 72/126 cọc khoan nhồi, 4/6 bệ mố trụ, 11/36 thân mố trụ, 8/32 xà mũ; đúc 64/238 phiến dầm I và lắp đặt 21 phiến dầm I; các hạng mục dầm ngang và mặt cầu tại nhịp 7P, 8P đã hoàn thành. Ngoài ra, cầu vượt Vành đai 4 trên tuyến đã thi công 110/144 cọc khoan nhồi, 11/20 mố trụ cầu và đúc 44/120 phiến dầm Super-T; cầu Xuân Mai và cầu Quán Lát đã đúc xong toàn bộ 56/56 phiến dầm, đang chuẩn bị mặt bằng thi công cọc khoan nhồi. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông TP. Hà Nội đã phân công cán bộ bám sát từng gói thầu, phấn đấu đưa dự án về đích trong quý I/2027.

Dự án xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đính, đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Trúc: (tổng chiều dài 12,5 km, tốc độ thiết kế 80 km/h, khởi công tháng 5/2025) tiếp tục được đẩy nhanh tiến độ. Thành phố đang chỉ đạo xã Hương Sơn khẩn trương hoàn thành phần diện tích còn lại để bàn giao cho nhà thầu thi công. Tại phần cầu, cầu Ngoại Độ đã thi công 34/40 cọc khoan nhồi, hoàn thành trụ T1 và mố M1, đang đúc dầm (2/24 dầm); cầu Sông Đáy đã hoàn thành bê tông bệ trụ, thân trụ và xà mũ trụ T16, mố M2, hoàn thành 462/462 cọc bê tông cốt thép, đang đúc dầm (7/153 dầm) và thi công đắp đường công vụ đến các trụ T6, T7, T8. Tại phần đường, các đơn vị đang triển khai đắp cát và xử lý nền đất yếu trên các đoạn tuyến. Khi

hoàn thành, tuyến đường được kỳ vọng trở thành trục kết nối quan trọng, thúc đẩy phát triển kinh tế - du lịch khu vực phía Nam Thủ đô, kết nối các điểm đến tâm linh lớn như Chùa Hương, Tam Chúc và Bái Đính.

(4) Các Dự án đường sắt.

Dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn - Ga Hà Nội tiếp tục được đẩy nhanh tiến độ thi công đoạn ngầm, tiến độ tổng thể đạt 82,1%. Đoạn trên cao dài khoảng 8,5 km gồm 8 ga và Depot Nhổn đã vận hành thương mại từ ngày 08/8/2024. Tiến độ Đoạn ngầm của Dự án đạt 55,5%; phần xây dựng công trình: 4 km hầm ngầm, 4 ga ngầm, 1 giếng thoát hiểm thuộc phạm vi gói thầu CP03 đạt 81,5%; phần hệ thống, thiết bị thuộc phạm vi phần ngầm của các gói thầu: CP08 đạt 1,68%, CP07 đạt 10,98%, CP06 và CP09 đạt 0%, chưa cung cấp dự liệu cho đoạn ngầm. Đối với công tác xây dựng (Gói thầu CP03): Công tác khoan hầm bằng máy TBM đã hoàn thành; hiện Nhà thầu tập trung thi công kết cấu bên trong hầm, bản đáy và các kết cấu còn lại tại 4 ga ngầm S9-S12, đường chuyển làn, gara và các hạng mục phụ trợ. Giếng thoát hiểm đang hoàn thiện phương án thi công hầm ngang kết nối; dốc hạ ngầm và tường chắn hồ Thủ Lệ đang tiếp tục thi công, dự kiến hoàn thành vào tháng 06/2027. Đối với công tác mua sắm lắp đặt thiết bị, hệ thống của các Gói thầu CP06, CP07, CP08 và CP09: Chưa triển khai thi công trên công trường do chưa thống nhất được với các nhà thầu hệ thống về chi phí bổ sung phần ngầm, chưa có tiến độ tích hợp (IWP) do phân làm 2 giai đoạn thực hiện (tách toàn tuyến thành trên cao và ngầm) và kéo dài thời gian.

Dự án Tuyến 2.1, đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo: Về thiết kế kỹ thuật: Tư vấn chung đã hoàn thiện thiết kế FEED cho tất cả các gói thầu; thực hiện theo Luật Xây dựng 2025 (có hiệu lực từ 01/7/2026), hồ sơ thiết kế cơ sở đã được tích hợp vào thiết kế FEED thành một bộ hồ sơ thống nhất để trình thẩm định, phê duyệt. Ban Quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội đang hoàn thiện Tờ trình gửi Sở Xây dựng thẩm định và UBND Thành phố phê duyệt Báo cáo nghiên cứu kỹ thuật điều chỉnh. Về đấu thầu: Đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu 4 gói thầu gồm CP5A (San nền Đề pô), gói thầu số 22 (Thẩm tra thiết kế cơ sở/FEED), số 28 (Dịch vụ pháp lý) và số 30 (Tư vấn BIM); các gói thầu thi công xây lắp đang được hoàn thiện hồ sơ mời thầu, sẵn sàng triển khai ngay sau khi dự án điều chỉnh được phê duyệt và nguồn vốn được xác định. Về thi công: Gói thầu CP5A (Xử lý nền Depot), một trong 7 gói thầu chính, đã được triển khai từ tháng 10/2025, với các hạng mục chính gồm bóc bỏ hữu cơ và chất thải xây dựng, đắp đất K90 và K95, tường chắn đất, cống hộp và đường dân sinh.

Dự án đường sắt đô thị thành phố Hà Nội tuyến số 5, Văn Cao - Hòa Lạc: Dự án khởi công ngày 19/12/2025. Về khảo sát, thiết kế: đã hoàn thành khảo sát

địa hình và 1.606/1.732 lỗ khoan địa chất (đạt 92,7%); các lỗ còn lại tại Depot 2 chưa thực hiện do điều chỉnh quy hoạch. Hồ sơ thiết kế tường vây, cọc CDM tại ga S1, S3 đã hoàn thành một phần; các ga S2, S4, S5, S6 và phần còn lại của ga S1 đang tiếp tục thiết kế; các đoạn tuyến khác tạm dừng chờ nghiên cứu phương án hạ ngầm toàn tuyến theo chỉ đạo của Thành phố. Đã chấp thuận 16 nhà thầu phụ thuộc các lĩnh vực xây lắp, thiết kế, thí nghiệm, thẩm tra và giám sát. Về rào chắn, phân luồng: ga S1 hoàn thành rào chắn giai đoạn 1; ga S3 hoàn thành rào chắn và phân luồng; đoạn S6–S7 hoàn thành khoảng 1.442 m hàng rào; các ga S2, S4, S5, S6 và công trình từ ga S7 đến cuối tuyến tạm dừng do định hướng điều chỉnh theo phương án hạ ngầm lưỡng dụng. Về thi công: tại ga S1 đã thi công 3.399 m cọc CDM và 30 m tường dẫn, hiện tạm dừng; tại ga S3 đã thi công 9.100 m cọc CDM và 60 m tường vây tại vị trí giao diện với dự án Vành đai 1, ngày 06/8/2026 đã bàn giao mặt bằng giữa hai trụ T3-T4 cho Ban Dân dụng thi công; công trình trên cao từ ga S6 đến cuối tuyến chưa triển khai. Cùng với đó, Thành phố đang khẩn trương triển khai đồng thời 5 tuyến đường sắt đô thị mới (số 1, 2, 8, 10 và 14) theo hình thức hợp đồng chìa khóa trao tay, với tổng chiều dài khoảng 253,5 km và sơ bộ nhu cầu vốn hơn 1 triệu tỷ đồng, phấn đấu hoàn thành đưa vào khai thác trong năm 2030. Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 30-NQ/TU ngày 05/10/2026 thống nhất chủ trương ký kết, tạm ứng hợp đồng thực hiện 5 tuyến này, đồng thời yêu cầu ưu tiên bố trí đủ vốn từ ngân sách Thành phố năm 2026 để triển khai theo tiến độ.

Song song với các dự án giao thông, Hà Nội đang đẩy nhanh triển khai hệ thống hồ điều hòa và thoát nước nhằm hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đô thị bền vững, điển hình như:

**Dự án Hồ điều hòa Mễ Trì (Đồng Bông 2)* tọa lạc tại phường Đại Mỗ, diện tích 17,2 ha, đã chính thức đưa vào vận hành từ cuối tháng 6/2026, là công trình đầu tiên trong nhóm dự án khẩn cấp hoàn tất đào hồ và chuyển sang giai đoạn hoàn thiện cảnh quan bờ kè. Từ sau ngày 30/4/2026, công trình đã được kết nối vào hệ thống thoát nước chung của Thành phố, hỗ trợ tiêu thoát nước cho khu vực phía Tây Thủ đô.

** Dự án Hồ điều hòa Cự Khối:* Nằm trên địa bàn phường Long Biên, diện tích mặt nước khoảng 30,25 ha đang được đẩy nhanh thi công; theo kế hoạch, phần lòng hồ và hệ thống mương bao sẽ cơ bản hoàn thành trước ngày 31/12/2026, toàn bộ dự án dự kiến đưa vào sử dụng trước ngày 30/3/2027, kết nối đồng bộ với trạm bơm Cự Khối và công viên hồ Thạch Bàn, hình thành hệ thống tiêu thoát nước liên hoàn cho khu vực phía Đông Thủ đô.

**Dự án Cụm hồ điều hòa Yên Nghĩa 1 và 2:* Nằm tại xã An Khánh, khu vực phía Tây Hà Nội, hồ Yên Nghĩa 2 đã cơ bản vận hành; hồ Yên Nghĩa 1 (20 ha) đang tập trung đào đất và lắp đặt hệ thống cống kết nối, phấn đấu hoàn thành trong quý IV/2026.

**Dự án hồ điều hòa Phú Đô (phường Từ Liêm, Hà Nội)*: Tọa lạc tại phường Từ Liêm, diện tích 31,5 ha, đã hoàn tất các công đoạn quan trọng gồm đào lòng hồ và thi công kè bằng cọc bê tông dự ứng lực. Dù chưa hoàn thiện 100%, hồ đã bắt đầu hỗ trợ tiêu thoát nước từ tháng 5/2026, giảm tải đáng kể cho Trạm bơm Đồng Bông 1, đồng thời dự kiến xử lý khoảng 8 điểm ngập úng xung quanh khu vực Mỹ Đình

* *Dự án Hồ điều hòa Thụy Phương 2:* Nằm tại phường Đông Ngạc, diện tích 14,5 ha, đã cơ bản hoàn thành các hạng mục xây lắp chính, sẵn sàng vận hành phục vụ phòng chống mưa bão; các hạng mục cảnh quan như mái kè, lan can, đường dạo và chiếu sáng đang được hoàn thiện.

* *Dự án Hồ Chèm và Hồ Liên Mạc 1:* Thuộc phường Đông Ngạc, diện tích lần lượt là 9 ha và 13 ha, do Tập đoàn Vingroup tài trợ thi công đã hoàn thành giải phóng mặt bằng và đang được đẩy nhanh thi công theo phương án "3 ca, 4 kíp"; tính đến tháng 10/2026, khối lượng đào lòng Hồ Chèm đạt 83.256 m^3; dự án Hồ Liên Mạc 1 đạt khoảng 15% khối lượng, các nhà thầu đang tập trung đào và vận chuyển đất, thi công cừ SW và kênh tiêu chính, mục tiêu hoàn thành hai dự án trong quý IV/2026.

(6) Dự án Khu Đô thị thể thao quốc tế Hà Nội.

Dự án Đầu tư xây dựng Khu Đô thị Thể thao Quốc tế Hà Nội do Tập đoàn Vingroup làm chủ đầu tư, là siêu dự án chưa có tiền lệ tại Thủ đô, với tổng diện tích hơn 9.171 ha trải rộng trên địa bàn 11 xã, phường thuộc các huyện Thanh Trì, Thường Tín và Thanh Oai. Dự án được quy hoạch thành 4 phân khu chức năng chính gồm đô thị TOD gắn với ga Ngọc Hồi, đô thị thể thao, đô thị du lịch và khu liên hợp thể thao, với quy mô dân số dự kiến khoảng 751 nghìn người. Đây được xác định là đòn bẩy chiến lược để hình thành cực tăng trưởng mới phía Nam Hà Nội, gắn kết phát triển đô thị với hệ thống hạ tầng giao thông trọng điểm của Thành phố.

Tính đến tháng 10/2026, công tác giải phóng mặt bằng đang được đẩy nhanh trên nhiều địa bàn. UBND xã Tam Hưng (nơi dự án có khoảng 1.367 ha sau điều chỉnh ranh giới) đã thông báo thu hồi hơn 14,5 ha đất tại thôn Bạch Đa và Phượng Thiên; công tác đo đạc, kiểm đếm, bồi thường và hỗ trợ tái định cư dự kiến triển khai trong quý IV/2026.

Điểm nhấn nổi bật nhất của toàn dự án là sân vận động VinFast – Trống Đồng (diện tích 73,3 ha, sức chứa 135.000 chỗ ngồi), được thiết kế đạt chuẩn FIFA với hệ thống mái che đóng mở tự động, lấy cảm hứng kiến trúc từ họa tiết

trống đồng Đông Sơn và hình tượng chim Lạc. Khi hoàn thành, công trình dự kiến vượt qua Narendra Modi Stadium (Ấn Độ, khoảng 132.000 chỗ) để trở thành sân vận động có sức chứa lớn nhất thế giới. Sau hơn nửa năm thi công, đến nay cả 4 khán đài A, B, C, D đã được triển khai xây dựng đồng loạt; toàn bộ công tác san lấp mặt bằng và ép cọc kết cấu chính đã đạt 100% khối lượng; phần thi công đài móng và san nền tầng 1 vượt mốc 70%. Theo kế hoạch, phần kết cấu bê tông cốt thép sẽ hoàn thành vào tháng 12/2026, sau đó chuyển sang giai đoạn lắp dựng mái vòm (dự kiến hoàn thành tháng 5/2027) và các hệ thống cơ điện, mặt sân; toàn bộ sân vận động phấn đấu hoàn thành vào tháng 7/2027. Hệ thống đường nội khu và các tuyến giao thông kết nối đã đạt trên 80% khối lượng; đại lộ rộng 120 m, dài hơn 2 km nối Quốc lộ 21B với sân vận động đang dần thành hình.

Ngoài sân vận động chính, Khu liên hợp thể thao quốc tế Hùng Vương còn được quy hoạch đồng bộ các công trình gồm: Sân vận động Olympic dành cho điền kinh; Hanoi Sport Arena sức chứa 12.000 chỗ; Aquatic Center 10.000 chỗ; nhà thi đấu xe đạp lòng chảo 4.000–5.000 chỗ; công viên thể thao vợt rộng hơn 40 ha với khoảng 300 sân tennis, pickleball và padel; cùng quần thể 4 sân golf 18 hố. Toàn bộ khu liên hợp dự kiến hoàn thành các hạng mục chính vào tháng 8/2027. Khi đi vào hoạt động đầy đủ, dự án được kỳ vọng trở thành hạt nhân phát triển đô thị mới phía Nam Thủ đô, đủ điều kiện đăng cai các sự kiện thể thao tầm cỡ quốc tế như ASIAD, Olympic hay FIFA World Cup, đồng thời tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế, dịch vụ và hạ tầng khu vực phía Nam Hà Nội.

5. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng Mười, thành phố Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận cho 2.241 doanh nghiệp thành lập mới, giảm 19,9% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 38,6 nghìn tỷ đồng, giảm 27,1%; 1.637 doanh nghiệp hoạt động trở lại, gấp 2,3 lần cùng kỳ; 2.384 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 62,7%; 2.151 doanh nghiệp đã giải thể, gấp 2,1 lần cùng kỳ.

Tính chung 10 tháng năm 2026, Thành phố đã cấp giấy chứng nhận cho 27,8 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, tương đương cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký mới 537,5 nghìn tỷ đồng, tăng 57,4%; gần 11,5 nghìn doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 32,0%; 27,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 9,7%; 12,6 nghìn doanh nghiệp đã giải thể, tăng 59,2%. Tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng được duy trì 100%, đảm bảo chất lượng và đúng hạn.

Tình hình doanh nghiệp 10 tháng năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



6. Hoạt động thương mại

Trong tháng 10/2026, hoạt động thương mại, bán buôn, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn thành phố Hà Nội tiếp tục duy trì ổn định và có mức tăng trưởng tích cực. Việc đẩy mạnh ứng dụng kinh tế số và tiêu dùng thông minh[1] đang tạo nền tảng vững chắc để khu vực dịch vụ tiếp tục là động lực chính giúp Hà Nội hướng tới các mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026. Công tác bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa được triển khai đồng bộ; nguồn cung các mặt hàng thiết yếu cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân. Hoạt động lưu thông, phân phối hàng hóa được duy trì thông suốt; các loại hình thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển, nhất là hệ thống bán lẻ hiện đại và thương mại điện tử. Các doanh nghiệp chủ động triển khai chương trình xúc tiến thương mại, khuyến mại, kích cầu tiêu dùng và chuẩn bị nguồn hàng phục vụ nhu cầu mua sắm những tháng cuối năm. Công tác quản lý nhà nước về thương mại, kiểm tra, kiểm soát thị trường và bình ổn giá được tăng cường, góp phần duy trì ổn định thị trường và thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ trên địa bàn Thành phố.

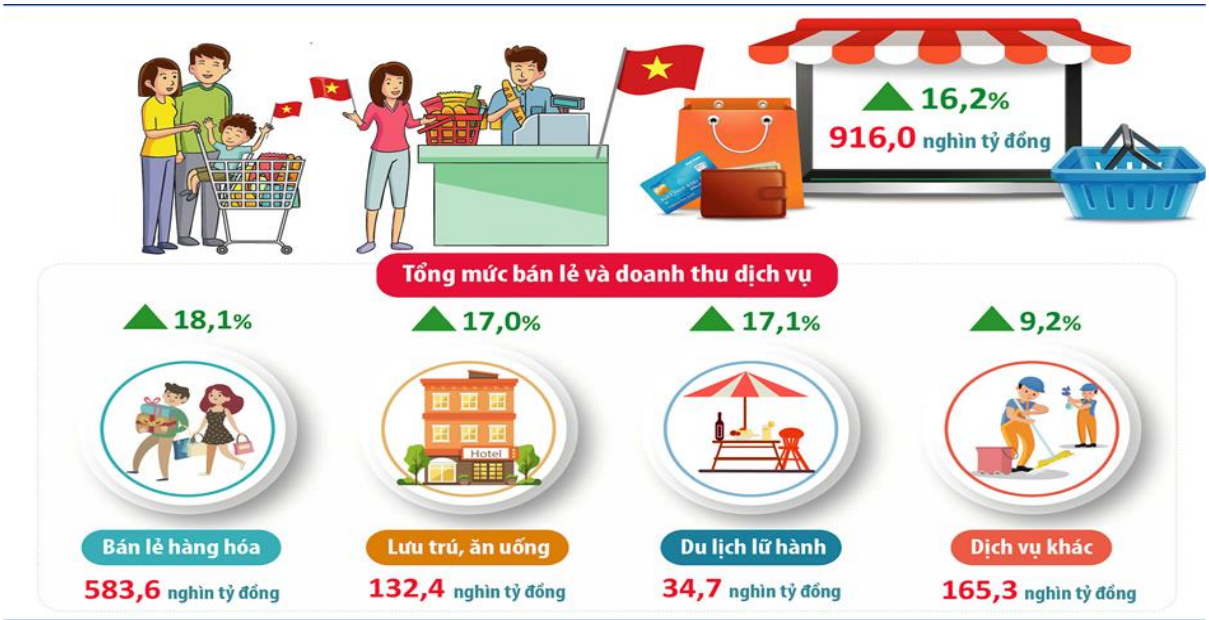
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Mười ước tính đạt 104,2 nghìn tỷ đồng, tăng 2,5% so với tháng trước và tăng 19,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 64,8 nghìn tỷ đồng, tăng 2,2% và tăng 20,7% (nhiên liệu tăng 25,1%; xăng dầu tăng 24,7%; lương thực, thực phẩm tăng 22,7%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 21,7%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 20,7%; hàng may mặc tăng 20,4%; phương

[1] Ngày 19/10/2026 UBND TP. Hà Nội ban hành Kế hoạch số 403/KH-UBND triển khai Đề án *"Thí điểm mô hình tiêu dùng số và bảo trợ thương mại điện tử TP. Hà Nội"* hướng tới kết nối hàng trăm chủ thể kinh doanh, mở rộng hạ tầng thương mại điện tử và thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trên toàn Thành phố.

tiện đi lại trừ ô tô con tăng 19,4%; ô tô con tăng 19,1%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 18,1%; hàng hóa khác tăng 16,6%). Doanh thu lưu trú và ăn uống đạt 17,0 nghìn tỷ đồng, tăng 4,1% và tăng 20,7%. Doanh thu du lịch lữ hành đạt 4,6 nghìn tỷ đồng, tăng 4,6% và tăng 20,2%. Doanh thu dịch vụ khác đạt 17,8 nghìn tỷ đồng, tăng 1,7% và tăng 16,0%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

10 tháng năm 2026 *(So với cùng kỳ năm trước)*



Tính chung 10 tháng năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 916,0 nghìn tỷ đồng, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 583,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 63,7% tổng mức và tăng 18,1% (đá quý, kim loại quý tăng 26,5%; xăng dầu tăng 20,2%; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) tăng 18,7%; ô tô con tăng 17,9%; lương thực, thực phẩm tăng 17,5%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 17,1%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 17,0%; phương tiện đi lại (trừ ô tô con) tăng 16,3%; hàng may mặc tăng 13,9%; hàng hóa khác tăng 18,9%). Doanh thu lưu trú, ăn uống đạt 132,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 14,5% và tăng 17,0% (dịch vụ lưu trú tăng 17,9%; dịch vụ ăn uống tăng 16,9%). Doanh thu du lịch lữ hành đạt 34,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 3,8% và tăng 17,1%. Doanh thu dịch vụ khác đạt 165,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 18,0% và tăng 9,2%.

7. Hoạt động vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát

Tổng doanh thu hoạt động vận tải, hoạt động hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát tháng Mười năm 2026 đạt 27,6 nghìn tỷ đồng tăng 2,1% so với tháng trước và tăng 25,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2026 tổng doanh thu ước đạt 259,7 nghìn tỷ đồng tăng 23,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

Vận chuyển hành khách: Số lượt hành khách vận chuyển tháng Mười ước đạt 57,0 triệu lượt người, tăng 4,2% so với tháng trước và tăng 24,1% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển ước đạt 1.587 triệu lượt người.km, tăng 3,8% và tăng 22,8%; doanh thu ước tính đạt 3.122 tỷ đồng, tăng 1,4% và tăng 36,8%. Tính chung 10 tháng năm 2026, số lượt hành khách vận chuyển đạt 525,0 triệu lượt người, tăng 23,6% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển đạt 14.749 triệu lượt người.km, tăng 20,1%; doanh thu đạt 29,0 nghìn tỷ đồng, tăng 33,5%.

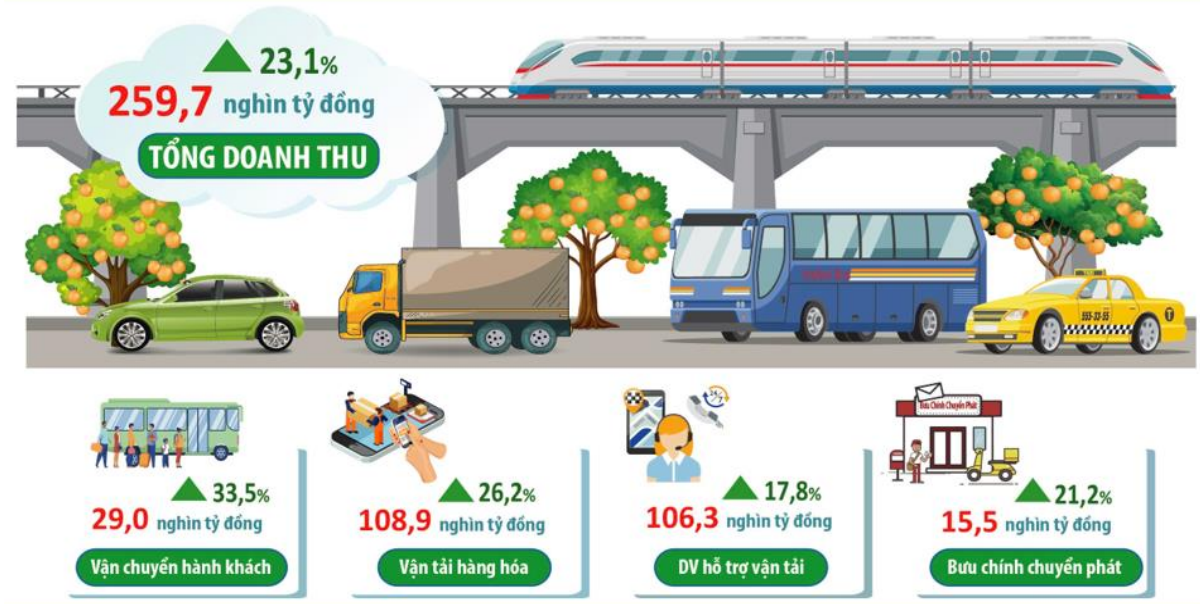
Từ đầu năm đến nay, hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng đường sắt đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội tiếp tục ghi nhận những chuyển biến tích cực, từng bước khẳng định vai trò trong hệ thống giao thông công cộng Thủ đô. Hai tuyến đường sắt đô thị Cát Linh – Hà Đông và Nhổn – Cầu Giấy duy trì vận hành ổn định, đáp ứng nhu cầu đi lại ngày càng tăng của người dân. Cùng với việc nâng cao chất lượng vận hành, Thành phố tiếp tục đẩy mạnh kết nối đường sắt đô thị với các phương thức vận tải công cộng khác. Đáng chú ý, từ ngày 01/9/2026, hệ thống vé điện tử liên thông giữa đường sắt đô thị và mạng lưới xe buýt trợ giá chính thức được triển khai, tạo thuận lợi cho hành khách sử dụng nhiều phương tiện trong cùng một hành trình. Việc tăng cường kết nối với xe buýt, xe đạp công cộng, mở rộng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và ứng dụng định danh điện tử, nhận diện sinh trắc học tại các nhà ga góp phần nâng cao khả năng tiếp cận, thu hút người dân, nhất là học sinh, sinh viên và người đi làm lựa chọn đường sắt đô thị trong sinh hoạt hằng ngày; qua đó thúc đẩy phát triển giao thông xanh, giảm áp lực giao thông đường bộ và hướng tới xây dựng hệ thống vận tải công cộng hiện đại, đồng bộ.

Vận tải hàng hóa: Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng Mười ước tính đạt 172,2 triệu tấn, tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước tính đạt 18,3 tỷ tấn.km, tăng 0,5% và tăng 19,3%; doanh thu ước tính đạt 11,5 nghìn tỷ đồng, tăng 0,7% và tăng 28,4%. Tính chung 10 tháng năm 2026, khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 1.658,6 triệu tấn, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 175,2 tỷ tấn.km, tăng 19,0%; doanh thu đạt 108,9 nghìn tỷ đồng, tăng 26,2%.

Doanh thu hoạt động hỗ trợ vận tải: Tháng Mười ước tính đạt 11,4 nghìn tỷ đồng, tăng 3,8% so với tháng trước và tăng 19,8% so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng năm 2026, doanh thu ước đạt 106,3 nghìn tỷ đồng, tăng 17,8% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu dịch vụ bưu chính chuyển phát: Tháng Mười ước tính đạt 1.608 tỷ đồng, tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2026, doanh thu ước đạt 15,5 nghìn tỷ đồng, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm 2025.

Doanh thu hoạt động vận tải và bưu chính chuyển phát
10 tháng năm 2026 *(So với cùng kỳ năm trước)*



8. Hoạt động du lịch

Trong tháng Mười, hoạt động du lịch trên địa bàn Thành phố tăng trưởng tích cực. Thành phố khai thác hiệu quả lợi thế của mùa Thu, thời điểm được đánh giá là đẹp nhất trong năm để thu hút dòng khách quốc tế ngày càng tăng. Trong bối cảnh du lịch toàn cầu phục hồi không đồng đều do tác động của xung đột địa chính trị, chi phí vận tải quốc tế leo thang và biến động tỷ giá tại nhiều nền kinh tế lớn, Hà Nội vẫn khẳng định sức hút nhờ khai thác bền vững lợi thế di sản văn hóa, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và quảng bá, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ. Thành phố đang tích cực triển khai Kế hoạch số 406 thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới, với định hướng chuyển từ khai thác tài nguyên sang kiến tạo giá trị, lấy chất lượng trải nghiệm và mức chi tiêu của du khách làm thước đo vị thế điểm đến; đồng thời hoàn thiện hồ sơ công nhận 3 khu du lịch quốc gia gồm Ba Vì, Hương Sơn và khu vực Hồ Hoàn Kiếm - phố cổ Hà Nội.

Thành phố tổ chức nhiều hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch sôi nổi và đa dạng. Lễ hội Đồ uống Hà Nội 2026 diễn ra từ ngày 09 đến 11/10 tại Công viên Thiên văn học, phường Dương Nội, quy tụ 60 doanh nghiệp, đơn vị với 70 gian hàng, thu hút khoảng 60 nghìn lượt khách tham quan; sự kiện kết hợp giới thiệu đồ uống truyền thống và hiện đại với các trải nghiệm văn hóa đặc sắc như trà đạo, cà phê và sản phẩm làng nghề, góp phần làm phong phú thêm sản phẩm du lịch mùa thu Thủ đô. Thành phố cũng tổ chức không gian giới thiệu thành tựu văn hóa, thể thao, du lịch, sản phẩm làng nghề, ẩm thực và các chương trình

du lịch trong khuôn khổ sự kiện "Hồn Di sản trong lòng Thủ đô"; đồng thời tham gia Liên hoan phim quốc tế Busan lần thứ 31 thông qua Chương trình Xúc tiến điện ảnh Việt Nam, giới thiệu di sản, cảnh quan, kiến trúc và địa điểm quay phim nhằm kết nối cơ hội hợp tác sản xuất và quảng bá hình ảnh Hà Nội đến bạn bè quốc tế. Về công tác chuẩn bị, Thành phố đang hoàn thiện Kế hoạch xúc tiến du lịch giai đoạn 2027-2030, rà soát lịch tổ chức Lễ hội Du lịch Áo dài, Lễ hội Mùa thu Hà Nội và Hội chợ Du lịch Thế giới WTM London 2026; xây dựng bản ghi nhớ hợp tác với Cảng hàng không quốc tế Nội Bài; đăng tải 22 bài viết trên Facebook và 1 video trên YouTube; cung cấp thông tin du lịch cho 220 lượt khách tại Quầy thông tin du lịch Nhà hát Lớn.

Khách du lịch đến Hà Nội[2]: Theo Báo cáo của Sở Du lịch, trong tháng Mười, Hà Nội đón gần 2,8 triệu lượt khách du lịch, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: 851,1 nghìn lượt khách quốc tế, tăng 10,0% và 1,9 triệu lượt khách nội địa, tăng 11,0%. Tổng thu từ khách du lịch ước đạt 12,1 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5%. Lũy kế 10 tháng năm 2026 đạt 30,4 triệu lượt khách (7,6 triệu lượt khách quốc tế và 22,8 triệu lượt khách nội địa), tăng 6,8%; tổng doanh thu ước đạt 125,2 nghìn tỷ đồng, tăng 13,0% so với cùng kỳ năm 2025.

Khách du lịch đến Hà Nội do cơ sở lưu trú phục vụ[3]: Tháng Mười ước đạt 920 nghìn lượt người, tăng 17,8% so với tháng trước và tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2026, khách du lịch đến Hà Nội đạt 7,8 triệu lượt người, tăng 23,5% so với cùng kỳ. Trong đó:

Khách quốc tế tháng Mười ước đạt 635 nghìn lượt người, tăng 26,2% so với tháng trước và tăng 16,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2026, khách quốc tế đạt 5,4 triệu lượt người, tăng 24,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ Trung Quốc đạt 763,5 nghìn lượt người, tăng 42,0%; Hàn Quốc 469,1 nghìn lượt người, tăng 9,3%; Mỹ 326,4 nghìn lượt người, tăng 25,2%; Úc 307,6 nghìn lượt người, tăng 24,0%; Đài Loan 289,0 nghìn lượt người, tăng 20,1%; Nhật Bản 265,5 nghìn lượt người, tăng 10,0%; Pháp 259,7 nghìn lượt người, tăng 19,9%; Anh 254,5 nghìn lượt người, tăng 11,7%; Đức 172,6 nghìn lượt người, tăng 21,3%; Malaysia 132,2 nghìn lượt người, tăng 31,6%; Singapore 98,9 nghìn lượt người, tăng 18,4%; Canada 96,7 nghìn lượt người, tăng 35,1%; Thái Lan 69,7 nghìn lượt người, tăng 17,0%.

Khách nội địa tháng Mười ước đạt 285 nghìn lượt người, tăng 2,5% so với tháng trước và tăng 17,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2026, khách nội địa đến Hà Nội đạt 2,4 triệu lượt người, tăng 20,9% so với cùng kỳ năm trước.

---

[2] Khách du lịch đến Hà Nội được tính số lượt khách tại các điểm thăm quan di tích lịch sử văn hóa (gồm cả khách trong ngày và khách lưu trú).

[3] Khách du lịch đến Hà Nội chỉ tính khách do cơ sở lưu trú phục vụ.

Khách du lịch đến Hà Nội do cơ sở lưu trú phục vụ 10 tháng năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



Tình hình hoạt động các cơ sở lưu trú: Tính đến cuối tháng 10/2026 trên địa bàn Hà Nội có 3.769 cơ sở lưu trú với 72,4 nghìn phòng; trong đó có 65 khách sạn, khu căn hộ trong thời hạn xếp hạng từ 1-5 sao với tổng số 12.056 phòng (31 khách sạn và khu căn hộ xếp hạng 5 sao;17 khách sạn khu căn hộ xếp hạng 4 sao; 08 khách sạn 3 sao; 5 khách sạn 2 sao và 04 khách sạn 1 sao); số cơ sở lưu trú du lịch chưa đăng ký xếp hạng là 3.699 cơ sở lưu trú với 61,3 nghìn phòng. Công suất sử dụng phòng trung bình khối khách sạn tháng 10/2026 ước đạt 73,2% tăng 3,3 điểm % so với cùng kỳ năm 2025; tính chung 10 tháng năm nay, công suất phòng bình quân đạt 74,2%, tăng 6,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2025.

Đến nay, trên địa bàn Hà Nội hiện có 48 cơ sở kinh doanh dịch vụ được công nhận đạt chuẩn phục vụ khách du lịch, trong đó có: 20 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, 19 cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm, 05 cơ sở kinh doanh vui chơi giải trí, 04 cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khoẻ. Hệ thống các cơ sở dịch vụ mua sắm, ăn uống, vui chơi giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đã thu hút, phục vụ đông đảo lượng du khách và người dân đến tham quan.

Công tác quản lý hoạt động lữ hành và hướng dẫn viên*:* Tính đến hết tháng 10/2026, trên địa bàn Thành phố có 2.649 doanh nghiệp, trong đó: Có 2.018 doanh nghiệp lữ hành quốc tế, 592 doanh nghiệp lữ hành nội địa, 32 doanh nghiệp vận chuyển khách du lịch, 07 văn phòng đại diện doanh nghiệp lữ hành nước ngoài. Bên cạnh đó, thành phố Hà Nội có 7.816 hướng dẫn viên quốc tế, 2.927 hướng dẫn viên nội địa và 158 hướng dẫn viên tại điểm du lịch, di tích đang hoạt động.

9. Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa

Trong tháng 10/2026, hoạt động xuất, nhập khẩu trên địa bàn thành phố Hà Nội tiếp tục có nhiều điểm sáng trong bối cảnh kinh tế và thương mại quốc tế còn nhiều biến động. Các doanh nghiệp chủ động duy trì đơn hàng, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời tận dụng các hiệp định thương mại tự do để thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa. Hoạt động nhập khẩu tiếp tục đáp ứng nhu cầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị và hàng hóa phục vụ sản xuất, kinh doanh. Thành phố tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối doanh nghiệp với thị trường trong và ngoài nước, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, qua đó tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn.

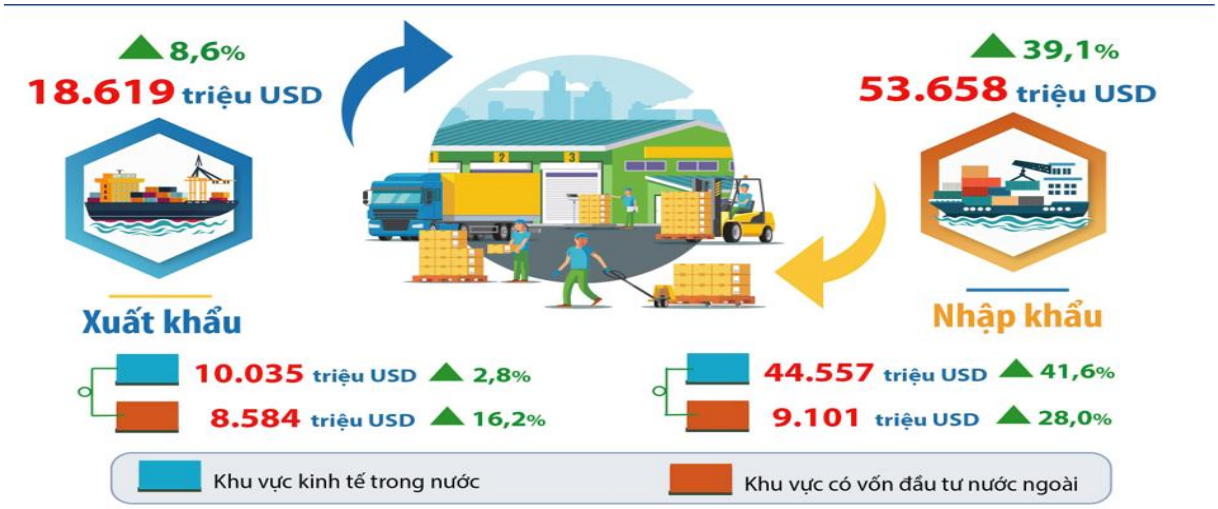
Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Mười ước tính đạt 1.914 triệu USD, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 1.012 triệu USD, tăng 0,6% và tăng 11,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 902 triệu USD, tăng 0,3% và tăng 9,7%.

Trong tháng Mười năm 2026, một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ: Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 286 triệu USD, tăng 12,0%; phương tiện vận tải và phụ tùng 266 triệu USD, tăng 20,2%; hàng nông sản 107 triệu USD, tăng 25,9%; xăng dầu 96 triệu USD, gấp 2,5 lần cùng kỳ năm trước; thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh 37 triệu USD, tăng 17,0%; giầy dép các loại và sản phẩm từ da 36 triệu USD, tăng 0,2%; hàng hóa khác 508 triệu USD, tăng 15,3%. Trong tháng, có 4/12 nhóm hàng kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ: Máy móc, thiết bị phụ tùng 306 triệu USD, giảm 6,8%; hàng dệt may 194 triệu USD, giảm 4,9%; gỗ và sản phẩm từ gỗ 55 triệu USD, giảm 11,5%; hàng gốm sứ 18 triệu USD, giảm 8,8%.

Tính chung 10 tháng năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 18.619 triệu USD, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 10.035 triệu USD, tăng 2,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 8.584 triệu USD, tăng 16,2%. Một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu 10 tháng tăng so với cùng kỳ: Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 2.809 triệu USD, tăng 19,2%; phương tiện vận tải và phụ tùng 2.542 triệu USD, tăng 10,2%; hàng nông sản 1.486 triệu USD, tăng 22,8%; xăng dầu 812 triệu USD, tăng 69,6%; giầy dép các loại và sản phẩm từ da 374 triệu USD, tăng 2,7%; thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh 326 triệu USD, tăng 16,6%; hàng hóa khác 4.767 triệu USD, tăng 8,7%. Bên cạnh đó, 4/12 nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ: Máy móc thiết bị phụ tùng 2.757 triệu USD, giảm 1,1%; hàng dệt may 1.928 triệu USD, giảm 3,9%; gỗ và sản phẩm từ gỗ 594 triệu USD, giảm 10,8%; điện thoại và linh kiện 45 triệu USD, giảm 66,9%.

Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 10 tháng năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa: Tháng Mười ước tính đạt 5.593 triệu USD, tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 32,6% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 4.636 triệu USD, tăng 2,0% và tăng 34,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 957 triệu USD, giảm 7,6% và tăng 23,0%.

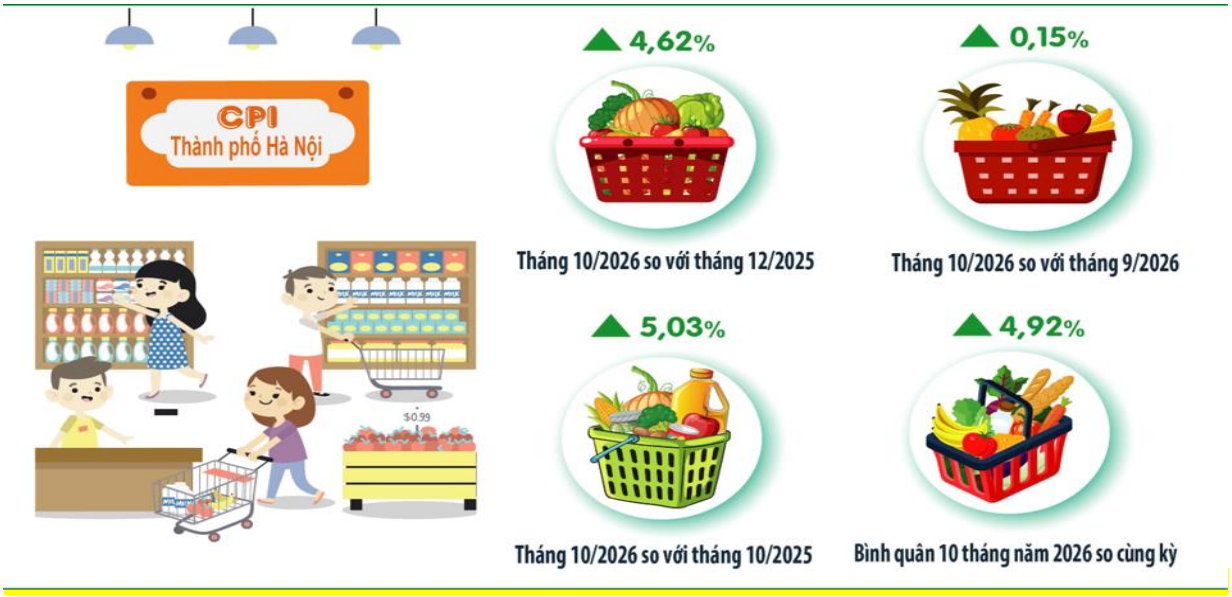
Trong tháng Mười, hầu hết các nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng so với cùng kỳ: Máy móc thiết bị, phụ tùng 1.190 triệu USD, tăng 29,2%; xăng dầu 713 triệu USD, gấp 2,9 lần cùng kỳ năm trước; phương tiện vận tải và phụ tùng 546 triệu USD, tăng 33,6%; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 449 triệu USD, tăng 33,3%; chất dẻo 134 triệu USD, tăng 26,3%; sản phẩm chất dẻo 112 triệu USD, tăng 42,5%; vải 101 triệu USD, tăng 20,6%; hàng hóa khác 1.664 triệu USD, tăng 19,8%. Bên cạnh đó có 2/14 nhóm hàng kim ngạch nhập khẩu giảm so với cùng kỳ: Sắt thép 209 triệu USD, giảm 6,6%; kim loại khác 179 triệu USD, giảm 0,2%.

Tính chung 10 tháng năm nay, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 53.658 triệu USD, tăng 39,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 44.557 triệu USD, tăng 41,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 9.101 triệu USD, tăng 28,0%. Một số nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu 10 tháng năm 2026 tăng so với cùng kỳ: Máy móc thiết bị, phụ tùng 11.061 triệu USD, tăng 39,3%; xăng dầu 7.024 triệu USD, gấp 2,1 lần cùng kỳ; phương tiện vận tải và phụ tùng 5.459 triệu USD, tăng 69,8%; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 3.986 triệu USD, tăng 35,5%; sắt thép 2.001 triệu USD, tăng 6,6%; kim loại khác 1.790 triệu USD, tăng 12,9%; chất dẻo 1.257 triệu USD, tăng 6,2%; sản phẩm chất dẻo 963 triệu USD, tăng 26,3%; sản phẩm hóa chất 943 triệu USD, tăng 23,1%; vải 910 triệu USD, tăng 5,8%; hàng hóa khác 16.192 triệu USD, tăng 30,0%. Riêng nhóm hàng thức ăn gia súc 602 triệu USD, giảm 0,9% so với cùng kỳ.

10. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Trong tháng 10/2026, tình hình thị trường, giá cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn thành phố Hà Nội cơ bản ổn định; nguồn cung các mặt hàng thiết yếu được bảo đảm, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng nhẹ 0,15% so với tháng trước, song vẫn ở mức tăng cao 5,03% so với cùng kỳ năm trước. Diễn biến giá cả các nhóm hàng hóa và dịch vụ có sự tăng, giảm đan xen, trong đó giá giao thông, nhà ở và chất đốt tạo áp lực tăng CPI, ngược lại giá một số mặt hàng lương thực, thực phẩm giảm đã góp phần kiềm chế mức tăng chung. Tính chung 10 tháng năm 2026, CPI bình quân tăng 4,92% so với bình quân cùng kỳ năm 2025. Thành phố tiếp tục tăng cường công tác theo dõi, quản lý, điều hành giá; triển khai các giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu, kiểm soát thị trường và bình ổn giá cả, nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu trong những tháng cuối năm. Cụ thể:

Chỉ số CPI tháng Mười năm 2026



Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống: Chỉ số giá tháng 10/2026 giảm 0,23% so với tháng trước, trong đó: Lương thực giảm 0,26% (giá gạo giảm 0,43%, bột mì và các ngũ cốc giảm 0,44%); thực phẩm giảm 0,43% (thịt lợn giảm 1,56%, thịt gia cầm giảm 0,40%, thịt chế biến giảm 0,58%; trứng giảm 1,19% và rau tươi, khô và chế biến giảm 0,54%). So với cùng kỳ năm trước, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng Mười tăng 3,59%; bình quân 10 tháng năm 2026, chỉ số giá nhóm này tăng 4,90% (trong đó lương thực tăng 2,39%, thực phẩm tăng 4,51% và ăn uống ngoài gia đình tăng 6,87%).

Nhóm đồ uống và thuốc lá: Chỉ số giá tháng 10/2026 tăng 0,16% so với tháng trước và tăng 4,68% so với cùng kỳ năm 2025. Trong tháng, giá một số mặt hàng đồ uống và thuốc lá được điều chỉnh tăng, cụ thể: Thuốc lá tăng

0,29%, rượu mạnh tăng 0,45%, rượu vang tăng 0,12%, bia chai tăng 0,22%, nước giải khát có ga tăng 0,44% và nước khoáng tăng 0,13%. Mức tăng chủ yếu phản ánh biến động giá bán lẻ ở một số mặt hàng, trong khi mặt bằng giá chung của nhóm tương đối ổn định so với tháng trước. Bình quân 10 tháng năm nay, chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,67% so với bình quân 10 tháng năm trước (bia tăng 2,75%; thuốc lá tăng 6,46%).

Nhóm may mặc, mũ nón, giầy dép: Chỉ số giá tháng 10/2026 tăng nhẹ 0,07% so với tháng trước và tăng 3,14% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 10 tháng năm 2026, chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giầy dép tăng 2,38% so với bình quân 10 tháng năm 2025 (trong đó vải các loại tăng 2,74%; quần áo may sẵn tăng 2,60%; giày dép tăng 0,82%).

Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng: Trong tháng 10/2026, chỉ số giá tăng 0,31% so với tháng trước (bình quân giá điện sinh hoạt trong tháng giảm 1,76%; vật liệu xây dựng tăng nhẹ 0,04%; nhà ở cho thuê tăng 0,17%; giá dầu hỏa tăng 4,62%; giá gas tăng 21,99%).

CPI nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tháng Mười tăng 7,07% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 10 tháng năm nay, CPI nhóm này tăng 7,41% so với bình quân 10 tháng năm trước (trong đó giá dầu hỏa tăng 43,18%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 46,96%; giá vật liệu xây dựng tăng 15,75%; giá nhà ở cho thuê tăng 8,38%; điện sinh hoạt tăng 3,51%).

Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình: Tháng 10/2026 giảm nhẹ 0,19% so với tháng trước (máy điều hòa nhiệt độ giảm 0,51%; tủ lạnh giảm 1,25%; máy giặt giảm 1,96%; thiết bị khác giảm 0,9%). So với tháng 10/2025, chỉ số giá nhóm này tăng 3,62%. Bình quân 10 tháng năm 2026, nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,26% so với bình quân 10 tháng năm 2025.

Nhóm thuốc và dịch vụ y tế: Tháng 10/2026, chỉ số giá tăng nhẹ 0,01% so với tháng trước và tăng 0,77% so với tháng 10/2025. Bình quân 10 tháng năm 2026, CPI nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,48% so với bình quân 10 tháng năm 2025. Việc siết chặt quản lý giá thuốc và dịch vụ y tế của Chính phủ đang mang lại những hiệu quả rõ rệt, khiến người dân an tâm và tin tưởng vào chính sách của Đảng và Nhà nước khi quyền lợi của mình được bảo đảm.

Nhóm giao thông: Tháng 10/2026, chỉ số giá tăng 1,93% so với tháng trước (giá xăng bình quân trong tháng tăng 6,55%, giá dầu diesel tăng 0,73%). So với cùng kỳ tháng 10/2025, CPI nhóm giao thông tăng 13,71%. Tính chung 10 tháng năm 2026, CPI bình quân tăng 7,56% so với CPI bình quân 10 tháng năm 2025 (trong đó dầu diesel tăng 41,17%; xăng tăng 13,54%; chịu ảnh hưởng nhiều nhất là giá vận chuyển hành khách bằng đường hàng không tăng 79,07%).

Nhóm thông tin và truyền thông: Tháng 10/2026, chỉ số giá giảm 0,43% so với tháng trước và giảm 1,12% so tháng 10/2025. Bình quân 10 tháng năm 2026, CPI nhóm này giảm 0,56% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

Nhóm giáo dục: Tháng 10/2026, chỉ số giá tương đương với tháng trước và tăng 2,58% so với cùng kỳ tháng 10/2025. Bình quân 10 tháng năm 2026, chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 4,59% so với bình quân 10 tháng năm 2025 (trong đó dịch vụ giáo dục trung cấp tăng 16,17%; dịch vụ giáo dục đại học tăng 11,35%).

Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch: Tháng 10/2026 chỉ số giá giảm nhẹ 0,52% so với tháng trước, tăng 3,52% so với cùng kỳ tháng 10/2025. Bình quân 10 tháng năm 2026, CPI tăng 3,77% so với bình quân 10 tháng năm 2025 (trong đó mặt hàng sách báo, tạp chí tăng 4,13%; du lịch trọn gói tăng 5,11%; khách sạn, nhà khách tăng 6,17%).

Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác: Chỉ số giá tháng 10/2026 tăng nhẹ 0,02% so với tháng trước và tăng 3,86% so cùng kỳ năm trước. Bình quân 10 tháng năm 2026, chỉ số giá tăng 3,39% so với bình quân 10 tháng năm 2025 (giá đồ trang sức tăng 40,12%, dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 4,68%).

Chỉ số giá bình quân một số nhóm hàng

10 tháng các năm 2022 – 2026 *(So với bình quân cùng kỳ năm trước)*

Đơn vị tính: %

	10 tháng năm 2022	10 tháng năm 2023	10 tháng năm 2024	10 tháng năm 2025	10 tháng năm 2026
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	**103,51**	**101,51**	**104,61**	**103,52**	**104,92**
Trong đó:					
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	103,33	103,23	103,40	102,65	104,90
Nhà ở, điện, nước, chất đốt, VLXD	103,55	101,37	106,04	108,39	107,41
Thuốc và dịch vụ y tế	100,45	100,34	105,05	114,38	100,48
Giao thông	112,92	97,62	101,02	98,03	107,56
Giáo dục	100,46	100,37	120,98	99,79	104,59
Văn hóa, giải trí và du lịch	105,49	101,55	101,39	104,12	103,77
Hàng hóa và dịch vụ khác	102,10	104,25	106,66	104,24	103,39
Chỉ số giá vàng	**102,10**	**103,96**	**131,39**	**151,26**	**140,20**
Chỉ số giá đô la Mỹ	**100,93**	**102,52**	**105,02**	**103,96**	**101,01**

Chỉ số giá vàng tháng 10/2026 giảm 3,30% so với tháng trước; giảm 7,61% so với tháng 12/2025 và giảm 1,95% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 10 tháng năm 2026, chỉ số giá vàng tăng 40,20% so với bình quân 10 tháng năm 2025.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 10/2026 giảm 0,29% so với tháng trước, giảm 1,12% so với tháng 12/2025, giảm 1,03% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 10 tháng năm 2026, chỉ số giá USD tăng 1,01% so với bình quân 10 tháng năm 2025.

11. Tài chính, ngân hàng và thị trường chứng khoán

Công tác điều hành thu, chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố 10 tháng năm 2026 đạt kết quả tích cực, đảm bảo các mục tiêu cân đối lớn và giữ vững kỷ cương tài chính quốc gia. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục đẩy mạnh triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ khách hàng, doanh nghiệp.

11.1. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách Nhà nước đến hết tháng 10/2026 ước thực hiện 652,2 nghìn tỷ đồng, vượt 0,3% dự toán cả năm và tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Thu nội địa 611,0 nghìn tỷ đồng, vượt 0,2% dự toán và tăng 10,4% so với cùng kỳ; thu từ dầu thô 2,9 nghìn tỷ đồng, đạt 82,2% và tăng 28,8%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 37,1 nghìn tỷ đồng, đạt 101,3% và tăng 20,0%.

Một số lĩnh vực thu chủ yếu trong thu nội địa đến cuối tháng 10/2026: Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước thực hiện 71,8 nghìn tỷ đồng, đạt 85,9% dự toán và tăng 5,2% so cùng kỳ năm 2025; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 39,9 nghìn tỷ đồng, đạt 94,5% và tăng 34,1%; khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước 148,8 nghìn tỷ đồng, đạt 104,4% và tăng 26,4%; thuế thu nhập cá nhân 53,8 nghìn tỷ đồng, đạt 77,5% và giảm 0,2%; thu tiền sử dụng đất 98,3 nghìn tỷ đồng, đạt 118,7% và tăng 9,8%; thu phí và lệ phí 26,6 nghìn tỷ đồng, đạt 88,5% và tăng 23,7%, trong thu phí lệ phí, thu lệ phí trước bạ 6,5 nghìn tỷ đồng, đạt 64,2% và bằng 95,3%.

Thu, chi ngân sách Nhà nước 10 tháng năm 2026

So với cùng kỳ năm trước



Chi ngân sách địa phương ước đến cuối tháng 10/2026 thực hiện 195,7 nghìn tỷ đồng, đạt 82,9% dự toán và tăng 83,1% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Chi đầu tư phát triển 128,9 nghìn tỷ đồng, đạt 75,4% dự toán và gấp 2,66 lần cùng kỳ; chi thường xuyên 66,6 nghìn tỷ đồng, đạt 83,0% và tăng 14,3%.

11.2. Tín dụng ngân hàng

Tình hình thực hiện lãi suất: Trong 10 tháng từ đầu năm 2026, Ngân hàng nhà nước (NHNN) tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành, tạo điều kiện cho các TCTD tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp để hỗ trợ nền kinh tế. Thời điểm trong tháng 10/2026, lãi suất tiền gửi bằng VNĐ bình quân của các NHTM trong nước phổ biến ở mức 0,1 - 0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,1 – 4,6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng; 6,5 – 8,0%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng; 6,1 – 7,6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng đến 24 tháng và 7,6 – 8,3%/năm đối với kỳ hạn trên 24 tháng. Lãi suất cho vay bình quân của NHTM trong nước với các khoản vay ở mức 8,4 – 10,7%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao) bình quân khoảng 4,0%/năm theo mức quy định của NHNN.

Hoạt động huy động vốn: Nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn gia tăng, đáp ứng nhu cầu cấp tín dụng của nền kinh tế và chấp hành các quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn của NHNN. Ước đến cuối tháng 10/2026, tổng nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn Thành phố ước tính đạt 7.925 nghìn tỷ đồng, tăng 1,34% so với cuối tháng trước và tăng 11,93% so với thời điểm kết thúc năm 2025, trong đó tiền gửi đạt 6.971 nghìn tỷ đồng[4], tăng 1,40% và tăng 11,15%; phát hành giấy tờ có giá đạt 954 nghìn tỷ đồng, tăng 0,89% và tăng 17,97%.

Hoạt động tín dụng: Hoạt động tín dụng ngân hàng trên địa bàn đáp ứng nhu cầu vốn cho doanh nghiệp, người dân để duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xã hội của thành phố Hà Nội, góp phần tăng nguồn thu ngân sách. Ước đến cuối tháng 10/2026, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn Thành phố đạt 6.768 nghìn tỷ đồng, tăng 2,90% so với cuối tháng trước và tăng 17,17% so với thời điểm kết thúc năm 2025, trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 2.578 nghìn tỷ đồng, tăng 1,95% và tăng 13,17%; dư nợ trung hạn và dài hạn đạt 4.190 nghìn tỷ đồng, tăng 3,50% và tăng 19,78%. Tính đến cuối tháng 10/2026, tỷ lệ nợ xấu của các TCTD chiếm 1,49% trong tổng dư nợ.

---

[4] Tiền gửi tiết kiệm đạt 2.183 nghìn tỷ đồng, tăng 2,42% so với cuối tháng trước và tăng 19,45% so với thời điểm kết thúc năm 2025; tiền gửi có kỳ hạn đạt 3.358 nghìn tỷ đồng, tăng 1,05% và tăng 9,46%; tiền gửi thanh toán đạt 1.430 nghìn tỷ đồng, tăng 0,70% và tăng 3,90%.

Tín dụng ngân hàng tính đến cuối tháng Mười năm 2026

(So với thời điểm cuối năm 2025)



Dư nợ cho vay theo chương trình tín dụng trên địa bàn Thành phố với 05 lĩnh vực ưu tiên như sau: Cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 21,85%; chương trình nông nghiệp, nông thôn chiếm 9,77%; cho vay xuất khẩu chiếm 5,06%; cho vay công nghiệp hỗ trợ chiếm 2,47%; cho vay doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm 0,42%.

11.3. Thị trường chứng khoán

Tính đến hết ngày 27/10/2026, trên cả hai sàn giao dịch chứng khoán (HNX và Upcom) do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý có 1.113 doanh nghiệp được phép giao dịch, giảm 04 doanh nghiệp so với cuối tháng trước và giảm 72 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước, trong đó: HNX có 299 doanh nghiệp và Upcom có 814 doanh nghiệp. Giá trị niêm yết trên cả hai sàn đạt 696,4 nghìn tỷ đồng, tăng 4,52% so với cuối tháng trước và tăng 1,72% so với cuối tháng cùng kỳ năm trước, trong đó: HNX đạt 210,4 nghìn tỷ đồng, tăng 0,79% và tăng 21,51%; Upcom đạt 486,0 nghìn tỷ đồng, tăng 2,13% và giảm 2,86%. Giá trị vốn hóa toàn thị trường tại thời điểm đóng cửa phiên giao dịch ngày 27/10 đạt 1.759 nghìn tỷ đồng, giảm 1,26% so với cuối tháng trước và giảm 0,02% so với cuối tháng cùng kỳ năm trước, trong đó HNX đạt 451 nghìn tỷ đồng, giảm 1,61% và tăng 0,79%; Upcom đạt 1.308 nghìn tỷ đồng, tăng 0,54% và giảm 11,52%.

Thị trường cổ phiếu niêm yết (HNX): Tính đến hết giao dịch ngày 27/10, khối lượng trung bình 1 ngày/tháng đạt 44,5 triệu CP được chuyển nhượng, tăng 25,6% so với trung bình 1 ngày/tháng trước và giảm 48,3% so với trung bình 1 ngày/tháng cùng kỳ năm trước; giá trị giao dịch trung bình 1 ngày/tháng đạt 0,84 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6% và giảm 66,2%. Trong đó, giao dịch khớp lệnh (định

kỳ và liên tục) trung bình 1 ngày/tháng đạt 48,4 triệu CP, tăng 27,1% và giảm 50,4%; giá trị trung bình 1 ngày/tháng đạt 0,72 nghìn tỷ đồng, tăng 15,8% và giảm 68,4%. Tính đến hết 27/10, khối lượng giao dịch chung 10 tháng đạt 13,7 tỷ CP với giá trị chuyển nhượng đạt 260,4 nghìn tỷ đồng.

Hoạt động cấp mã giao dịch và số tài khoản của các nhà đầu tư (NĐT): Tháng Chín, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp mới được 252 mã số giao dịch cho các NĐT nước ngoài (tổ chức 31 mã giao dịch; cá nhân 221 mã giao dịch). Số tài khoản giao dịch của các NĐT được cấp mới đến hết tháng 9 đạt 2260,7 nghìn tài khoản.

II. TÌNH HÌNH XÃ HỘI

1. Bảo đảm an sinh xã hội

Trong tháng 10/2026, công tác an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội tiếp tục được triển khai đồng bộ, trọng tâm là thực hiện chính sách ưu đãi người có công, trợ giúp các nhóm yếu thế, chăm lo hộ có hoàn cảnh khó khăn và mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân. Hoạt động bảo đảm an sinh có sự tham gia của chính quyền các cấp, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và cộng đồng doanh nghiệp.

Chính sách bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện thường xuyên, góp phần ổn định đời sống người lao động: trong kỳ có 6.958 người được quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, với tổng số tiền hỗ trợ 265,5 tỷ đồng; 2.027 người hưởng trợ cấp được tư vấn, giới thiệu việc làm và 116 người được hỗ trợ học nghề. Công tác chăm lo người có công tiếp tục được chú trọng; Sở Nội vụ đã tiếp nhận, giải quyết 1.314 hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi, đồng thời các Trung tâm triển khai điều dưỡng tập trung cho 2.799 lượt người có công, kinh phí gần 17 tỷ đồng. Thành phố tiếp tục rà soát, cập nhật thông tin người có công nhằm phục vụ việc thực hiện chế độ, chính sách đúng đối tượng.

Đối với nhóm yếu thế, Thành phố tiếp tục áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội 650.000 đồng/tháng từ đầu năm 2026, đồng thời triển khai các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động vì người cao tuổi trong tháng 10/2026. Tổ chức vận động doanh nghiệp chung tay ủng hộ Quỹ "Vì người nghèo" và các chương trình hỗ trợ nhà ở, sinh kế, học nghề. Đến nay, Quỹ đã chi hỗ trợ hơn 35 tỷ đồng, góp phần xây mới, sửa chữa 308 nhà Đại đoàn kết, trao 175 xe lăn cho người khuyết tật và thực hiện 10.997 suất hỗ trợ, thăm hỏi, tặng quà cho các hộ khó khăn.

Về chăm sóc sức khỏe, thành phố tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ an sinh xã hội, trong đó triển khai khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc miễn phí theo lộ trình. Đến nay,

126/126 xã, phường đã xây dựng kế hoạch, phân nhóm đối tượng và điều phối lịch khám; 37 bệnh viện công lập được phân công hỗ trợ chuyên môn cho y tế cơ sở. Đồng thời, theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND có hiệu lực từ ngày 1/7/2026, Hà Nội hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người từ đủ 60 đến dưới 75 tuổi chưa có thẻ và không thuộc diện tham gia bắt buộc, cùng một số nhóm chính sách khác theo quy định.

Nhìn chung, công tác an sinh xã hội trong tháng được thực hiện trên nhiều phương diện, kết hợp chính sách hỗ trợ từ ngân sách với nguồn lực xã hội hóa. Thời gian tới, Thành phố tiếp tục rà soát đúng đối tượng thụ hưởng, kịp thời trợ giúp người yếu thế, bảo đảm công khai, minh bạch trong phân bổ nguồn lực và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách tại cơ sở.

2. Giải quyết việc làm

Thực hiện Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 10/01/2026 về hỗ trợ, phát triển thị trường lao động và giải quyết việc làm, thành phố Hà Nội tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp kết nối cung - cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm và nâng cao chất lượng dịch vụ việc làm. Trọng tâm là tăng cường thu thập, cập nhật thông tin thị trường lao động; nâng cao năng lực phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực; duy trì các phiên giao dịch việc làm định kỳ, chuyên đề và lưu động tại cơ sở. Đồng thời, Thành phố triển khai các kế hoạch về khảo sát, chuẩn hóa dữ liệu thị trường lao động và xây dựng thị trường lao động số, hướng tới liên thông Cổng thông tin việc làm Hà Nội với Sàn giao dịch việc làm quốc gia, tạo thuận lợi cho người lao động và doanh nghiệp tiếp cận thông tin tuyển dụng.

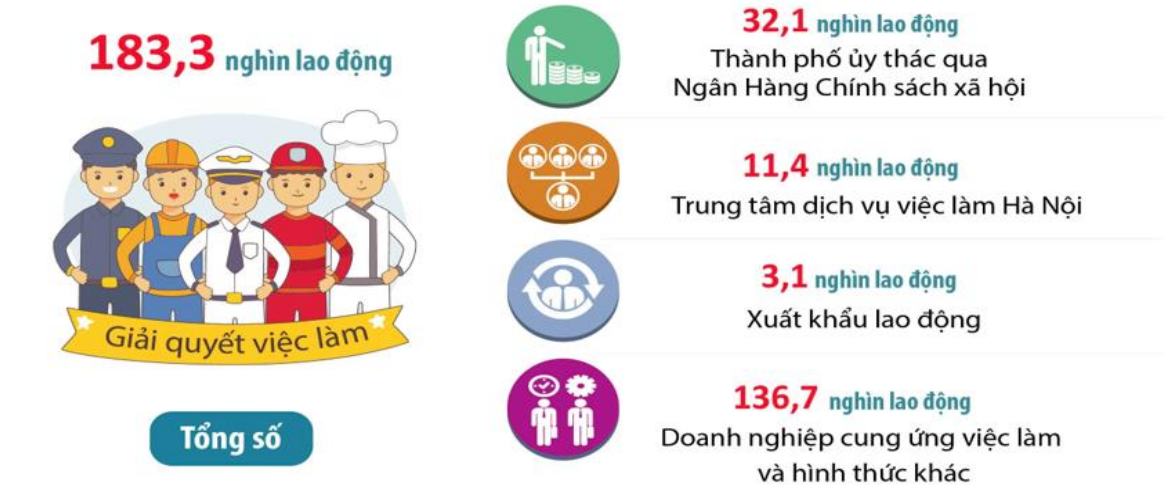
Trong tháng 10/2026, Thành phố đã giải quyết việc làm cho 22,3 nghìn lao động. Trong đó giải quyết việc làm cho 4,7 nghìn lao động từ nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua ngân hàng Chính sách xã hội với số tiền 385 tỷ đồng; 977 lao động nhận được việc làm sau khi phỏng vấn tại các phiên, sàn giao dịch việc làm, trung tâm dịch vụ việc làm; 531 lao động được giải quyết việc làm qua hình thức xuất khẩu lao động; 16,1 nghìn lao động được giải quyết việc làm qua các hình thức khác.

Tính chung 10 tháng năm 2026, Thành phố đã giải quyết việc làm cho 183,3 nghìn lao động, vượt 7,2% kế hoạch năm, nhưng giảm 6,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Giải quyết việc làm cho 32,1 nghìn lao động từ nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua ngân hàng Chính sách xã hội với số tiền 3.396 tỷ đồng; 11,4 nghìn lao động nhận được việc làm qua các phiên, sàn giao dịch việc làm và hoạt động giới thiệu việc làm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội; gần 3,1 nghìn lao động được giải quyết việc làm qua hình thức xuất khẩu lao động và 136,7 nghìn lao động được giải quyết việc làm qua các hình thức khác.

Công tác thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp được duy trì nhằm hỗ trợ người lao động trong giai đoạn chuyển đổi việc làm. Trong tháng Mười, Thành phố ra quyết định hưởng bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) cho 6.958 người lao động với số tiền hỗ trợ 265,5 tỷ đồng, trong đó 2.027 người lao động hưởng trợ cấp BHTN được tư vấn, giới thiệu việc làm; hỗ trợ học nghề cho 116 người với số tiền 453 triệu đồng. Luỹ kế 10 tháng năm 2026, Thành phố ra quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 58.198 người lao động với số tiền 2.209 tỷ đồng; hỗ trợ học nghề cho 858 người lao động, với tổng kinh phí khoảng 3,4 tỷ đồng.

Kết quả giải quyết việc làm cho thấy các chính sách hỗ trợ tạo sinh kế và kết nối thị trường lao động của Thành phố tiếp tục phát huy hiệu quả, đặc biệt là nguồn vốn tín dụng chính sách và hệ thống dịch vụ việc làm. Trong thời gian tới, Thành phố tiếp tục nâng cao chất lượng dữ liệu và dự báo cung - cầu lao động, tăng hiệu quả kết nối tuyển dụng, đồng thời gắn hỗ trợ thất nghiệp với đào tạo lại, chuyển đổi nghề để tạo việc làm ổn định, bền vững cho người lao động.

Giải quyết việc làm trên địa bàn thành phố Hà Nội 10 tháng năm 2026



3. Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội[5]

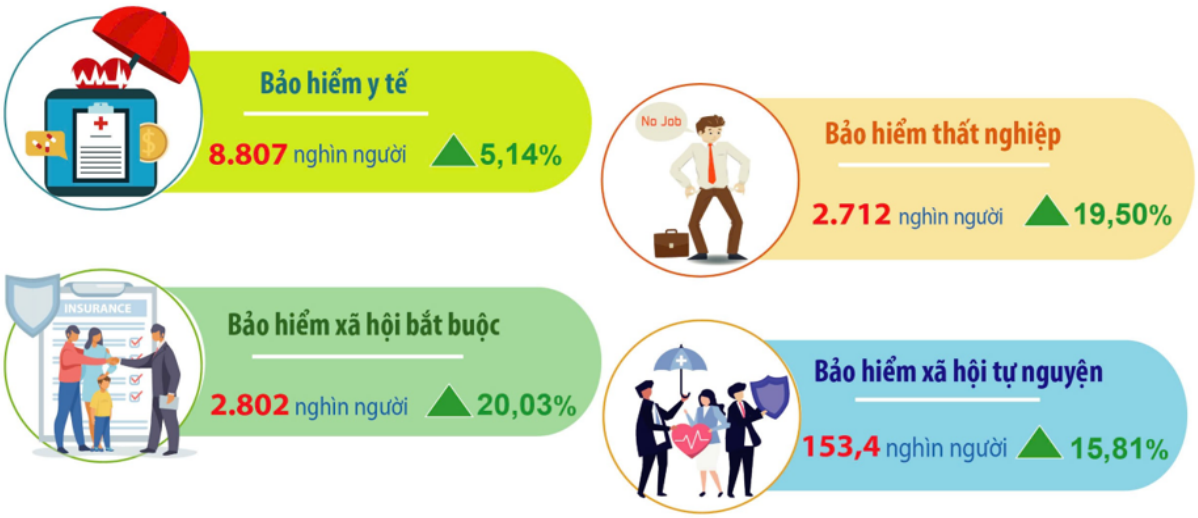
Năm 2026, theo kế hoạch Thành phố giao: Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế (BHYT) đạt 96,25% dân số. Tỷ lệ tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc đạt 49,0% số người trong độ tuổi lao động; số người tham gia BHXH tự nguyện đạt 4,0%. Số người tham gia Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) đạt 46,5% lực lượng lao động.

Theo Báo cáo của Bảo hiểm xã hội (BHXH) thành phố Hà Nội, tính đến hết tháng Mười trên địa Thành phố tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế (BHYT) đạt 96,50% dân số với 8.806,6 nghìn người tham gia, tăng 1,15% so với tháng

[5] Số người tham gia BHYT, BHXH, BHTN chưa bao gồm lực lượng vũ trang và các trường hợp tham gia bảo hiểm dưới 3 tháng và đang bảo lưu.

trước, tăng 5,14% so với cùng kỳ năm 2025 và tăng 4,01% so với thời điểm kết thúc năm 2025. Có 2.802,3 nghìn người tham gia BHXH bắt buộc, chiếm 48,69% lực lượng trong độ tuổi lao động, tăng 2,00%, tăng 20,03% và tăng 16,64%. Hơn 153,4 nghìn người tham gia BHXH tự nguyện, chiếm 4,76% lực lượng lao động trong độ tuổi, tăng 0,43%, tăng 15,81% và tăng 14,24%. Số người tham gia Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) là 2.712,0 nghìn người, chiếm 47,12%, tăng 1,99%, tăng 19,50% và tăng 16,19%.

Số người tham gia Bảo hiểm trên địa bàn thành phố Hà Nội
Tính đến cuối tháng 10/2026 *(so với cùng kỳ năm 2025)*



Tính đến hết tháng Mười, tổng số tiền thu từ BHXH, BHYT, BHTN là 77,6 nghìn tỷ đồng, tăng 21,99% so với cùng kỳ năm 2025. Tổng chi BHXH, BHYT, BHTN là 78,7 nghìn tỷ đồng, tăng 7,0%, trong đó: Chi lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng là 43,1 nghìn tỷ đồng (chi từ nguồn Ngân sách nhà nước 7,8 nghìn tỷ đồng; chi từ nguồn quỹ BHXH 35,3 nghìn tỷ đồng); chi khám chữa bệnh BHYT 28,2 nghìn tỷ đồng.

4. Giáo dục, đào tạo và dạy nghề

Trong tháng 10/2026, ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Nội tập trung ổn định nền nếp năm học 2026–2027, triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nâng cao chất lượng dạy học và tiếp tục hoàn thiện tổ chức, quản lý trường học sau sắp xếp. Các cơ sở giáo dục chú trọng khảo sát chất lượng đầu năm, tổ chức dạy học phù hợp năng lực học sinh; tăng cường quản lý bán trú, an toàn thực phẩm, y tế học đường, phòng chống dịch bệnh và bảo đảm an ninh, an toàn trường học. Ngày 19/10, Thành phố ban hành quy định mức trần các khoản thu dịch vụ tại cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, góp phần tăng tính minh bạch trong quản lý thu, chi học đường.

Đến nay, thực trạng quy mô trường lớp, số học sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông năm học 2026–2027 sau sắp xếp trên Cơ sở dữ liệu ngành, toàn Thành phố có tổng số 1.668 trường với 69.634 lớp, nhóm lớp với 2.265.885 học sinh. Số liệu theo từng cấp học như sau:

Cấp học	Loại hình	Số trường	Số lớp	Số học sinh	Bình quân HS/lớp
Mầm non	Công lập	327	12.013	332.747	28
	Tư thục	345	12.226	167.608	14
	Tổng	**672**	**24.239**	**500.355**	**21**
Tiểu học	Công lập	298	18.481	704.777	38
	Tư thục	58	2.509	63.638	25
	Tổng	**356**	**20.990**	**768.415**	**37**
THCS	Công lập	226	14.499	616.583	43
	Tư thục	53	1.797	47.340	26
	Tổng	**279**	**16.296**	**663.923**	**41**
Liên cấp Tiểu học - THCS	Công lập	88	Đã tính theo cấp học	Đã tính theo cấp học THCS	-
	Tư thục	25	Đã tính theo cấp học	Đã tính theo cấp học THCS	-
	Tổng	**113**			**-**
THPT	Công lập	125	5.744	254.751	44
	Tư thục	123	2.365	78.441	33
	Tổng	**248**	**8.109**	**333.192**	**41**
TỔNG CÁC CẤP	Công lập	1.064	50.737	1.908.858	38
	Tư thục	604	18.897	357.027	19
	TỔNG CHUNG	**1.668**	**69.634**	**2.265.885**	**33**

Sau sắp xếp khối các trường công lập thuộc UBND xã phường quản lý có tổng số 938 trường, gồm 326 trường mầm non, 298 trường tiểu học, 226 trường THCS và 88 trường tiểu học và THCS. Tổng số phân hiệu là 1.235 phân hiệu, gồm 496 phân hiệu mầm non, 326 phân hiệu tiểu học, 295 phân hiệu THCS và 118 phân hiệu của trường tiểu học và THCS.

Khối các trường THPT trực thuộc Sở quản lý 248 trường THPT với tổng số 8.109 lớp, 333.192 học sinh; trong đó, công lập có 125 trường THPT với tổng số 5.744 lớp, 254.751 học sinh, bình quân 44,35 học sinh/lớp; Tư thục có tổng số 123 trường với tổng số 2.365 lớp, 78.441 học sinh, bình quân 33 học sinh/lớp.

Số Trường học trên địa bàn Thành phố Hà Nội sau sắp xếp



Từ đầu năm đến nay, công tác sắp xếp mạng lưới và đầu tư cơ sở vật chất được đẩy mạnh, Thành phố đã đưa vào sử dụng 04 cơ sở giáo dục công lập (gồm Trường: THPT Hoàng Quán Chi, THPT Việt Hùng, THPT Đặng Trần Đức và Trường Tiểu học, THCS và THPT Minh Châu); hoàn thành cải tạo 32/53 trường trung học phổ thông, bổ sung khoảng 207 phòng học; các xã, phường đang triển khai đầu tư, cải tạo, mở rộng 587 trường học, dự kiến tăng khoảng 1.388 phòng học.

Đến ngày 22/9/2026, sau sắp xếp, toàn Thành phố có 38,9% trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn là 57,4%. Theo cấp học, tỷ lệ chuẩn khối mầm non 30,5%, tiểu học 50,6%, THCS 55,2%, THPT 21,5%. Tỉ lệ công nhận trường đạt chuẩn quốc gia năm 2026 còn thay đổi do mô hình tổ chức sau sắp xếp, việc so sánh với trước sắp xếp cần tính đến chủ thể trường học, phạm vi thống kê và điều kiện bảo lưu kết quả công nhận. Thành phố đang rà soát, đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu.

Chuyển đổi số và đổi mới phương pháp giáo dục tiếp tục đạt kết quả rõ nét: 100% trẻ mầm non, học sinh phổ thông được cấp mã định danh học tập; phần mềm quản lý chuyên ngành đã triển khai đến 100% đơn vị; hệ thống Hanoi Study có gần 800 nghìn tài liệu, đề thi và học liệu số. Ngành cũng tổ chức tập huấn trực tuyến về ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho 50 nghìn giáo viên, tập huấn trực tiếp cho 2.700 giáo viên cốt cán, đồng thời triển khai lộ trình đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, tăng cường STEM và kỹ năng số.

Giáo dục mũi nhọn và hội nhập quốc tế ghi nhận dấu ấn nổi bật khi Hà Nội đăng cai Kỳ thi Olympic Thiên văn và Vật lý thiên văn quốc tế lần thứ XIX (25/9 - 05/10/2026). Cả 10 học sinh Việt Nam tham dự đều đoạt huy chương, gồm 06 Huy chương Vàng và 04 Huy chương Bạc; riêng đội Việt Nam 1 được tuyển chọn từ các trường trung học phổ thông Hà Nội giành 02 Huy chương Vàng và 03 Huy chương Bạc.

Về giáo dục nghề nghiệp, đến ngày 23/10/2026, Hà Nội có 143 trường cao đẳng, trung cấp (67 trường cao đẳng, 76 trường trung cấp). Trong kỳ báo cáo tháng 10, các cơ sở tuyển sinh 807 người và có 1.461 học sinh, sinh viên tốt nghiệp. Ước 10 tháng năm 2026, số tuyển sinh đạt 48,6 nghìn người, gồm 22,3 nghìn trình độ cao đẳng và 26,3 nghìn trình độ trung cấp; số tốt nghiệp đạt khoảng 40 nghìn người, tương ứng 20,4 nghìn và 19,6 nghìn người.

5. Hoạt động Y tế và tình hình dịch bệnh

Trong tháng Mười, ngành Y tế Hà Nội tiếp tục củng cố hệ thống khám, chữa bệnh và y tế cơ sở, nâng cao năng lực phòng bệnh, chất lượng dịch vụ y tế và bảo đảm an toàn thực phẩm. Mạng lưới y tế công lập do Thành phố quản lý gồm 42 bệnh viện (25 bệnh viện đa khoa, 17 bệnh viện chuyên khoa) và 126 trạm y tế xã, phường với 449 điểm y tế, 55 phòng khám đa khoa; phối hợp với các cơ sở y tế Trung ương, bộ, ngành và ngoài công lập phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân.

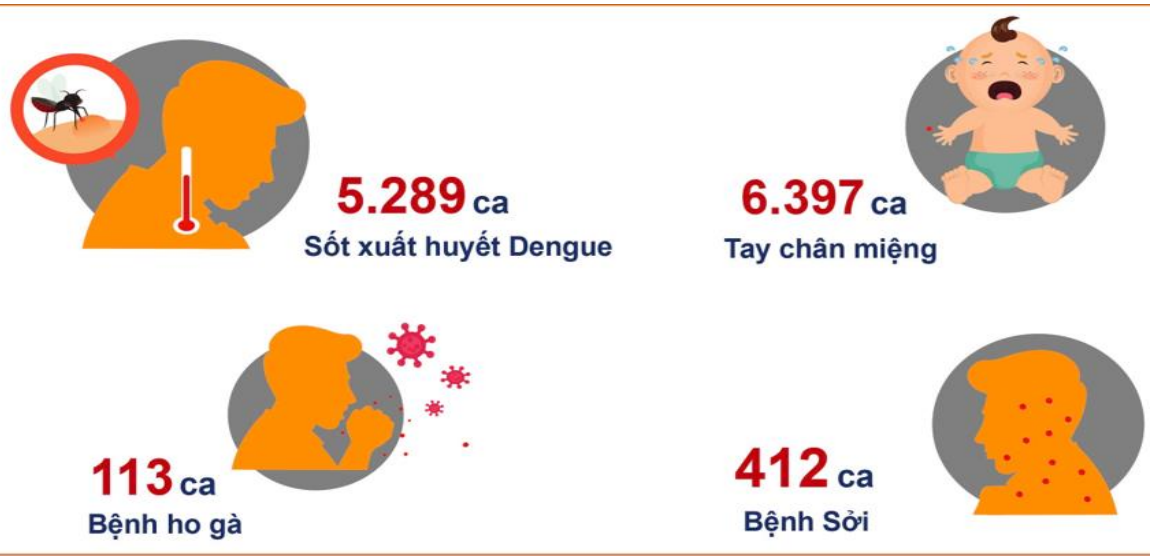
Công tác khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí được triển khai tại 126/126 xã, phường. Theo Sở Y tế, đến hết ngày 11/10/2026, Thành phố đã khám cho 3.423 nghìn người thuộc các nhóm đối tượng của chương trình; hơn 1.666 nghìn hồ sơ sức khỏe được cập nhật thành công lên Cổng dữ liệu sức khỏe của Bộ Y tế, đứng thứ hai cả nước về số hồ sơ cập nhật tại thời điểm báo cáo. Thành phố tiếp tục tăng cường liên thông dữ liệu và quản lý sức khỏe người dân theo vòng đời.

Về tình hình dịch bệnh, theo cập nhật của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) Hà Nội công bố ngày 26/10/2026, cộng dồn từ đầu năm ghi nhận: Bệnh tay chân miệng 6.397 ca mắc, tại 126 phường, xã với 99 ổ dịch (tăng 1.114 ca so với cùng kỳ năm trước), các ổ dịch đã kết thúc hoạt động. Bệnh sốt xuất huyết 5.289 ca mắc, tại 121 phường, xã với 229 ổ dịch (số ca mắc giảm 4.527 trường hợp so với số ca mắc trung bình 5 năm 2021-2025, nhưng tăng 1.481 ca so với cùng kỳ năm 2025), hiện còn 29 ổ dịch đang hoạt động. Bệnh sởi 412 ca mắc, tại 113 phường, xã (giảm 4.020 ca). Bệnh ho gà 113 ca mắc, tại 59 phường, xã (tăng 82 ca). Bệnh uốn ván 16 ca mắc tại 13 phường, xã, trong đó 01 ca tử vong (giảm 10 ca). Covid-19 ghi nhận 1.675 ca mắc tại 122 phường, xã (giảm 751 ca).

Các dịch bệnh khác không ghi nhận diễn biến bất thường. Hiện nay, thời tiết đang giao mùa làm cho bệnh sốt xuất huyết và các bệnh truyền nhiễm lây truyền qua đường hô hấp như Covid-19, cúm, thủy đậu, ho gà, sởi, rubella, adeno vi rút, chân tay miệng tiếp tục diễn ra. Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Ebola tại một số quốc gia châu Phi, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội đã triển khai đồng bộ các biện pháp phòng chống, giám sát, kiểm dịch y tế nhằm phát hiện sớm, ngăn chặn nguy cơ dịch bệnh xâm nhập qua cửa khẩu hàng

không quốc tế. Thành phố tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện kiểm soát nhiễm khuẩn tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, thực hiện việc sàng lọc, phân loại, cách ly nghiêm ngặt tất cả các trường hợp nghi ngờ hoặc xác định mắc virus Ebola tại cơ sở điều trị.

Một số bệnh truyền nhiễm trong 10 tháng năm 2026



Công tác phòng, chống HIV/AIDS và chăm sóc sức khỏe trẻ em tiếp tục được duy trì. Theo báo cáo Sở Y tế, 77,1% người nhiễm HIV ước tính biết tình trạng nhiễm của mình; 85,9% người nhiễm HIV trong diện quản lý được điều trị ARV và 99,4% người có kết quả xét nghiệm tải lượng vi rút trong nhóm đang điều trị ARV đạt ngưỡng ức chế. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 5 tuổi lần lượt là 6,2% thể nhẹ cân, 9,4% thể thấp còi và 0,2% thể gầy còm, đều dưới các ngưỡng mục tiêu năm 2026.

Về nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, Thành phố đã tổ chức lại Bệnh viện Nam Thăng Long thành Bệnh viện Lão khoa Hà Nội; Bệnh viện Tim Hà Nội đưa cơ sở 2 vào hoạt động và khai trương Khoa Quốc tế ngày 20/10/2026. Bên cạnh đó, UBND Thành phố đã phê duyệt Đề án xây dựng và vận hành hệ thống khám, chữa bệnh từ xa (Telehealth) và Đề án điều phối cấp cứu ngoại viện thông minh, đang được ngành Y tế chuẩn bị các điều kiện chuyên môn, kỹ thuật để triển khai theo lộ trình.

Chuyển đổi số y tế tiếp tục được thúc đẩy. Hệ thống dữ liệu y tế Thành phố đã kết nối 50 cơ sở y tế, hình thành kho dữ liệu với khoảng 2,1 triệu hồ sơ bệnh nhân duy nhất và 80 chỉ số phục vụ điều hành; triển khai giải pháp trí tuệ nhân tạo hỗ trợ chẩn đoán hình ảnh tại 03 bệnh viện là Xanh Pôn, Đức Giang và Ung Bướu Hà Nội. Mô hình vận chuyển mẫu bệnh phẩm, thuốc và vật tư y tế bằng thiết bị bay không người lái tại Bệnh viện Đa khoa Đức Giang đã triển khai 70 chuyến bay trên 16 tuyến, trong đó 22 chuyến vận chuyển mẫu thực tế, tỷ lệ thành công 100%. Đây là kết quả thí điểm, chưa phải triển khai đại trà.

Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm được đẩy mạnh thông qua kiểm tra, hậu kiểm, xử lý vi phạm và ứng dụng công nghệ trong truy xuất nguồn gốc. Lũy kế đến thời điểm báo cáo, các xã, phường kiểm tra 25.054 cơ sở, xử phạt 2.345 cơ sở với tổng số tiền khoảng 16,7 tỷ đồng; các sở, ngành kiểm tra, hậu kiểm 429 cơ sở, xử phạt 151 cơ sở với số tiền 4,3 tỷ đồng. Đoàn kiểm tra liên ngành Thành phố kiểm tra 82 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phát hiện 59 cơ sở vi phạm, xử phạt gần 2,8 tỷ đồng. Lực lượng quản lý thị trường đã xử phạt 949 vụ vi phạm về an toàn thực phẩm với số tiền khoảng 13 tỷ đồng. Các kết quả thuộc những tuyến, lực lượng kiểm tra khác nhau và không cộng gộp thành một chỉ tiêu chung.

Thành phố đồng thời đẩy mạnh giám sát bếp ăn trường học, cơ sở cung cấp suất ăn sẵn, dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố; triển khai hệ thống HanoiCheck phục vụ quản lý dinh dưỡng và an toàn thực phẩm học đường. Mô hình tuyến phố bảo đảm an toàn thực phẩm tiếp tục được thực hiện tại 67 tuyến phố; riêng 05 tuyến phố thuộc địa bàn Hoàn Kiếm và Cầu Giấy được lựa chọn để hoàn thiện mô hình thí điểm. Nhìn chung, công tác y tế và phòng, chống dịch bệnh được triển khai chủ động, song cần tiếp tục kiểm soát nguy cơ sốt xuất huyết, tay chân miệng, tăng cường an toàn thực phẩm và nâng cao hiệu quả khai thác dữ liệu y tế.

6. Hoạt động văn hóa, thể thao

Văn hóa thông tin: Trong tháng 10/2026, lĩnh vực văn hóa, thể thao của Thủ đô ghi nhận nhiều kết quả nổi bật, đặc biệt gắn với dấu mốc kỷ niệm 72 năm Ngày Giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2026). Thành phố triển khai chuỗi hoạt động văn hóa, nghệ thuật phong phú, đa dạng, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị và nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Điểm nhấn là chương trình nghệ thuật đặc biệt "Bản Giao hưởng Hà Nội" tổ chức tại Nhà hát Hồ Gươm, tái hiện hành trình lịch sử, văn hóa và khát vọng phát triển của Thủ đô từ mùa Thu lịch sử năm 1954 đến kỷ nguyên mới và chương trình âm nhạc quốc tế phục vụ công chúng thu hút khoảng 800 khán giả. Chương trình "80 năm - Vang mãi bản hùng ca Hà Nội" tại Vườn hoa Đền Bà Kiệu kỷ niệm 80 năm Ngày Truyền thống Lực lượng vũ trang Thủ đô. Các nhà hát Kịch, Chèo, Cải lương Hà Nội tổ chức biểu diễn thường xuyên vào tối thứ Sáu, thứ Bảy trong suốt tháng Mười với nhiều tác phẩm chất lượng cao; Thành phố tổ chức 40 buổi chiếu phim lưu động và 15 buổi chiếu phim tại rạp nhân dịp kỷ niệm. Hội Sách Hà Nội lần thứ XI (01–04/10) với chủ đề "Sách mở tri thức - Công nghệ dẫn tương lai" và Festival Thu Hà Nội (16–18/10) tiếp tục tạo thêm không gian trải nghiệm văn hóa cho người dân và du khách.

Hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản tiếp tục gắn với phục vụ khách tham quan, giáo dục truyền thống và quảng bá hình ảnh Thủ đô. Trong tháng Mười, Ban Quản lý di tích Danh thắng Hà Nội đón hơn 99,0 nghìn lượt khách, trong đó đền Ngọc Sơn đón 88,3 nghìn lượt, thu gần 4,1 tỷ đồng; Văn Miếu - Quốc Tử Giám đón 116,7 nghìn lượt, thu trên 7,8 tỷ đồng; Di tích Nhà tù Hỏa Lò đón 68,7 nghìn lượt (trong đó 50,1 nghìn lượt khách quốc tế), thu trên 3,1 tỷ đồng; Bảo tàng Hà Nội đón 11,4 nghìn lượt, thu trên 223 triệu đồng. Các hoạt động kỷ niệm 950 năm thành lập Quốc Tử Giám tiếp tục được triển khai chiều sâu với tuần phim, triển lãm chuyên đề, trưng bày "Vườn đạo học" và quảng bá tại Hội chợ sách quốc tế Frankfurt. Chuỗi hoạt động "Cội nguồn di sản giữa lòng Thủ đô" (09-11/10) tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam với nghi lễ tưởng niệm các Vua Hùng, trình diễn hát Xoan, hát Ghẹo và giao lưu văn hóa Khmer thu hút 14,3 nghìn lượt khách (12,8 nghìn lượt trong nước, 1,5 nghìn lượt quốc tế), thu phí 217 triệu đồng, phục vụ khoảng 55 đoàn với 3,5 nghìn lượt khách thuyết minh, tăng 25,0% số đoàn so với tháng trước.

Trung tâm Văn hóa và Thư viện Hà Nội phục vụ 570,7 nghìn lượt bạn đọc, luân chuyển 1,2 triệu lượt tài liệu, cấp mới và đổi 2,7 nghìn thẻ; luân chuyển 4,8 nghìn bản sách đến 24 điểm cơ sở, phục vụ 131 nghìn lượt bạn đọc và 327,6 nghìn lượt tài liệu tại các điểm thư viện. Hội Sách Hà Nội lần thứ XI (01-04/10) với chủ đề "Sách mở tri thức - Công nghệ dẫn tương lai" quy tụ 32 đơn vị xuất bản, phát hành và 40 gian hàng, kết hợp trưng bày chuyên đề "Hà Nội - Ngày về chiến thắng" gắn kỷ niệm 72 năm Ngày Giải phóng Thủ đô.

Về biểu diễn nghệ thuật, tổ chức trên 200 buổi biểu diễn, tổng doanh thu khoảng 6,5 tỷ đồng. Đề án Sân khấu học đường thực hiện 13 buổi biểu diễn thu hút 14,6 nghìn lượt người xem. Thành phố phối hợp tổ chức thành công lễ bế mạc Festival Thăng Long - Hà Nội lần thứ II, Lễ hội Văn hóa Thế giới với chương trình "Sắc màu năm châu", các chương trình "Đêm thời trang Sắc màu", "Thanh âm Gốm"; duy trì âm nhạc cuối tuần tại Nhà Bát giác, biểu diễn tại phố đi bộ và tổ chức Liên hoan Sân khấu Hà Nội mở rộng năm 2026.

Hoạt động thể dục thể thao: Thể thao Hà Nội trong tháng Mười tiếp tục ghi nhận thành tích ấn tượng ở cả thể thao thành tích cao lẫn phong trào quần chúng, trong đó kết quả tại ASIAD 20 là điểm nhấn nổi bật nhất, khẳng định chất lượng đào tạo vận động viên của Thủ đô và đóng góp quan trọng vào thành tích chung của Đoàn Thể thao Việt Nam.

Về thể thao thành tích cao, từ ngày 16/9 đến 15/10/2026, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể thao cử 61 đoàn với 705 lượt người đi tập huấn, thi đấu. Vận động viên Hà Nội giành 10 HCV, 16 HCB, 12 HCĐ tại các giải trong nước và 11 HCV, 5 HCB, 10 HCĐ tại các giải quốc tế. Tại ASIAD 20, vận động viên

Hà Nội tham dự 23/30 môn của Đoàn Thể thao Việt Nam; bộ môn Cầu mây giành 2 HCV, 1 HCĐ; Karate giành 1 HCV, 1 HCĐ. Ngoài ra, bộ môn Lặn giành 6 HCV, 3 HCB, xếp Nhất toàn đoàn tại Giải Vô địch trẻ châu Á; Võ cổ truyền giành 1 HCV, xếp Nhất toàn đoàn tại Giải Vô địch và Vô địch trẻ thế giới; Vật xếp Nhất toàn đoàn tại hệ thống giải quốc gia. Lũy kế 10 tháng năm 2026, thể thao Hà Nội đạt tổng cộng 2.574 huy chương tại các giải quốc gia (941 HCV, 763 HCB, 870 HCĐ) và 367 huy chương quốc tế (169 HCV, 89 HCB, 109 HCĐ), tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu cả nước.

Về thể dục thể thao quần chúng, Thành phố triển khai chuỗi hoạt động hưởng ứng phong trào "Mỗi người dân lựa chọn ít nhất một môn thể thao phù hợp để tập luyện thường xuyên", phát huy hiệu quả không gian phố đi bộ hồ Hoàn Kiếm và các thiết chế văn hóa, thể thao. Nhiều giải đấu cộng đồng được tổ chức sôi nổi gồm Giải Thể hình - Fitness Hà Nội mở rộng, Giải Bơi chải thuyền rồng - ván SUP Hà Nội mở rộng (thu hút gần 900 vận động viên từ các đại sứ quán, tổ chức quốc tế và các tỉnh thành), Giải đua xe mô tô địa hình Victory Challenge tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam và Giải đua xe đạp Hà Nội mở rộng. Thành phố cũng tổng kết Giải chạy Báo Hànộimới lần thứ 51 - Vì hòa bình (ngày 27/9/2026) với hơn 3.000 vận động viên của gần 200 đơn vị tham dự, làm cơ sở triển khai các hoạt động phong trào tiếp theo.

Số Huy chương thể thao thành tích cao 10 tháng năm 2026



7. Trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Trong tháng 10/2026, công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ trên địa bàn thành phố Hà Nội tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm, triển khai đồng bộ. Đặc biệt, nhân dịp kỷ niệm 72 năm Ngày Giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2026), Công an Thành phố đã chủ động xây dựng và triển khai các phương án bảo đảm

an ninh, trật tự, tăng cường tuần tra, kiểm soát tại các khu vực trung tâm, địa điểm tổ chức sự kiện văn hóa, nghệ thuật, di tích lịch sử và nơi tập trung đông người. Các lực lượng chức năng đẩy mạnh công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật; tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông. Lực lượng Cảnh sát giao thông chủ động phân luồng, điều tiết giao thông tại các tuyến đường, nút giao trọng điểm và khu vực tổ chức bắn pháo hoa chào mừng Ngày Giải phóng Thủ đô, góp phần hạn chế ùn tắc, bảo đảm an toàn cho người dân và du khách. Công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được chú trọng, nhất là trong dịp kỷ niệm Ngày toàn dân phòng cháy, chữa cháy (04/10); tăng cường tuyên truyền, kiểm tra các cơ sở có nguy cơ cháy nổ cao, tổ chức tập huấn, diễn tập và duy trì lực lượng, phương tiện sẵn sàng ứng phó với các tình huống phát sinh. Bên cạnh đó, Thành phố tiếp tục triển khai các giải pháp bảo vệ môi trường, tăng cường thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, kiểm tra và xử lý các hành vi gây ô nhiễm môi trường, duy trì vệ sinh tại các tuyến phố, khu dân cư và địa điểm tổ chức sự kiện. Qua đó, góp phần giữ vững an ninh, trật tự, bảo đảm an toàn xã hội, xây dựng môi trường sống xanh, sạch, đẹp, văn minh trên địa bàn Thủ đô.

Theo số liệu tổng hợp từ Công an thành phố Hà Nội, tình hình trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ tháng Mười (từ 15/9/2026 đến 14/10/2026) trên địa bàn Hà Nội như sau:

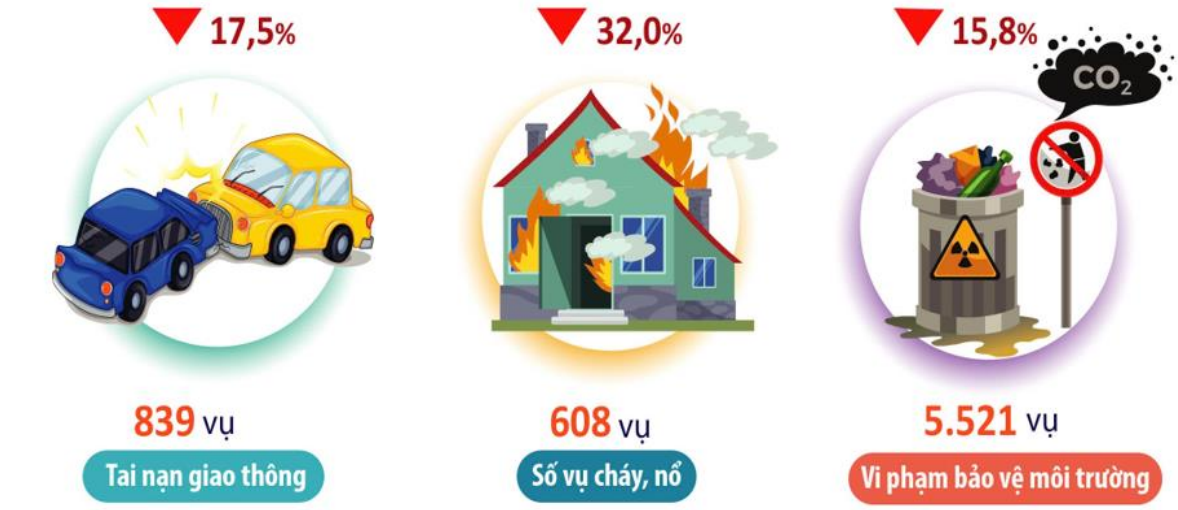
Phạm pháp hình sự: Trong tháng phát hiện 305 vụ phạm pháp hình sự, trong đó 116 vụ do công an khám phá; số đối tượng vi phạm bị bắt giữ theo luật là 165 đối tượng. Phát hiện, bắt giữ 310 vụ vi phạm pháp luật về kinh tế với 431 đối tượng, thu nộp ngân sách 12,3 tỷ đồng. Cộng dồn 10 tháng năm 2026, phát hiện 3.470 vụ phạm pháp hình sự, bắt giữ theo luật 3.205 đối tượng; xử lý 3.171 vụ vi phạm pháp luật về kinh tế, bắt giữ 3.866 đối tượng, thu nộp ngân sách 801,5 tỷ đồng.

Tệ nạn xã hội: Trong tháng đã phát hiện 61 vụ cờ bạc, bắt giữ 160 đối tượng. Tổng số vụ vi phạm pháp luật về ma tuý bị phát hiện là 220 vụ, bắt giữ 670 đối tượng, trong đó xử lý hình sự 207 vụ với 569 đối tượng. Cộng dồn 10 tháng năm nay, trên địa bàn Thành phố đã phát hiện bắt giữ 618 vụ cờ bạc với 2.205 đối tượng; triệt phá 2.998 vụ vi phạm pháp luật về ma túy, bắt giữ 6.889 đối tượng; số vụ xử lý hình sự 2.837 vụ, bắt giữ 6.025 đối tượng.

Tai nạn giao thông: Tháng Mười, trên địa bàn Thành phố đã xảy ra 101 vụ tai nạn giao thông làm 55 người chết và 71 người bị thương. Trong đó, xảy ra 100 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 54 người chết, 71 người bị thương và 01 vụ tai nạn giao thông đường sắt làm 01 người chết. Chia theo mức độ nghiêm trọng, có 01 vụ tai nạn giao thông rất nghiêm trọng làm 02 người chết và 01

người bị thương; 54 vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng làm 53 người chết và 23 người bị thương; 46 vụ tai nạn ít nghiêm trọng và va chạm làm 47 người bị thương. Cộng dồn 10 tháng năm 2026, trên địa bàn Thành phố xảy ra 839 vụ tai nạn giao thông, giảm 17,5% so với cùng kỳ năm 2025; làm 542 người chết, tăng 1,3% và 484 người bị thương, giảm 34,1%.

Số vụ tai nạn giao thông, cháy nổ và vi phạm môi trường trên địa bàn Thành phố trong 10 tháng năm 2026 *(So với cùng kỳ năm 2025)*



Về phòng chống cháy nổ: Tháng Mười trên địa bàn Thành phố xảy ra 56 vụ cháy làm 07 người chết và 04 người bị thương, trong đó, có 50 vụ cháy cấp I, 02 vụ cháy cấp II, 02 vụ cháy cấp III, 01 vụ cháy cấp IV và 01 vụ cháy cấp V. Hiện các cơ quan chức năng đang tiếp tục xác minh nguyên nhân và đánh giá thiệt hại về tài sản do các vụ cháy gây ra. Cộng dồn 10 tháng năm 2026, trên địa bàn Thành phố xảy ra 608 vụ cháy, nổ giảm 32,0% so với cùng kỳ năm 2025; làm chết 20 người, giảm 20,0% và 25 người bị thương, tăng 66,7%.

Bảo vệ môi trường: Trong tháng, phát hiện và xử lý 488 vụ vi phạm về bảo vệ môi trường, với 486 đối tượng bị xử lý; thu nộp ngân sách 2.730 triệu đồng. Cộng dồn 10 tháng năm 2026, ghi nhận 5.521 vụ vi phạm về bảo vệ môi trường, xử lý 5.427 đối tượng, giảm 15,8% về số vụ và giảm 15,0% đối tượng so với cùng kỳ năm 2025; thu nộp ngân sách 34,2 tỷ đồng, tăng 21,9%.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 02 THÁNG CUỐI NĂM 2026

Nhìn chung, tình hình kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội trong 10 tháng năm 2026 đạt nhiều kết quả tích cực và khá toàn diện. Điểm sáng nổi bật là chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng tăng cao 9,0%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 16,2%; doanh thu vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát tăng 23,1%; khách du lịch do cơ sở lưu trú phục vụ

tăng 23,5%; vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tăng 84,7% là mức cao nhất trong nhiều năm. Hoạt động tín dụng tăng khá, thu ngân sách đạt tiến độ tích cực; tai nạn giao thông và số vụ cháy giảm so với cùng kỳ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số hạn chế, khó khăn vẫn cần được quan tâm. Để đạt được mục tiêu tăng trưởng GRDP trong quý IV đạt 16,55% như kịch bản đã đề ra thì tốc độ tăng các ngành, lĩnh vực chưa thật sự bứt phá, khó có thể đạt mục tiêu kế hoạch; một số ngành công nghiệp như sản xuất giường, tủ, bàn ghế và sản xuất trang phục còn giảm. Trong tháng Mười năm nay, số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động tăng 62,7%, số doanh nghiệp giải thể gấp 2,1 lần cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu tăng 32,6%, cao hơn nhiều so với mức tăng 10,7% của xuất khẩu, làm gia tăng mức nhập siêu. CPI bình quân 10 tháng tăng cao 4,92% vượt ngưỡng kiểm soát 4,5% đề ra từ đầu năm, trong đó giá nhà ở, điện, nước, chất đốt, vật liệu xây dựng, dịch vụ ăn uống và giao thông tăng cao. Số lao động được giải quyết việc làm giảm 6,2%; một số dịch bệnh như tay chân miệng, sốt xuất huyết và ho gà gia tăng. Số người bị thương do cháy và số vụ vi phạm về bảo vệ môi trường cũng tăng so với cùng kỳ.

Trong hai tháng cuối năm 2026, thành phố Hà Nội bước vào thời điểm diễn ra nhiều hoạt động văn hóa, lễ hội và sự kiện quy mô lớn, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy thương mại, du lịch, dịch vụ và tiêu dùng, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số. Thành phố đã xây dựng kế hoạch tổ chức nhiều chương trình, sự kiện trọng điểm, việc triển khai đồng bộ các hoạt động này được kỳ vọng sẽ tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, trực tiếp kích cầu tiêu dùng, gia tăng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, đồng thời tạo hiệu ứng lan tỏa đến các ngành lưu trú, ăn uống, vận tải, sản xuất hàng tiêu dùng, quảng cáo và tổ chức sự kiện. Để khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế và tận dụng các cơ hội tăng trưởng trong những tháng cuối năm, Thành phố cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2026; bám sát kịch bản tăng trưởng của từng ngành, lĩnh vực, thường xuyên rà soát, đánh giá tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu đề ra. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu và hiệu quả phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương. Đồng thời, chủ động xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2027, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, nguồn lực thực hiện, tạo nền tảng cho tăng trưởng ổn định, bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

Hai là, tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, nhất là đối với các dự án có khối lượng lớn, có khả năng hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2026. Khẩn trương xử lý các vướng mắc về giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư, nguồn vật liệu xây dựng và tổ chức thi công; xác định rõ tiến độ, khối lượng, trách nhiệm từng chủ đầu tư, đơn vị thực hiện. Ưu tiên nguồn lực cho các dự án giao thông liên vùng, cầu vượt sông Hồng, đường vành đai, đường sắt đô thị, thoát nước và công trình hạ tầng dân sinh; chú trọng hỗ trợ các xã, phường có tỷ lệ thực hiện vốn đầu tư còn thấp, hạn chế tình trạng dồn khối lượng giải ngân vào cuối năm.

Ba là, tập trung tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ và kích cầu tiêu dùng trong những tháng cuối năm. Chủ động nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, kịp thời hỗ trợ tháo gỡ vướng mắc về vốn, nguyên liệu, mặt bằng sản xuất và thị trường tiêu thụ; đẩy mạnh đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, nâng cao năng lực cạnh tranh. Tăng cường xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, mở rộng thị trường xuất khẩu, phát triển thương mại điện tử và hệ thống phân phối hàng hóa; triển khai các chương trình khuyến mại, kích cầu tiêu dùng, đa dạng hóa sản phẩm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Thành phố.

Bốn là, hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng của hàng hóa. Tăng cường cung cấp thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do; đẩy mạnh phát triển sản phẩm công nghiệp hỗ trợ và liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Theo dõi cơ cấu nhập khẩu, tạo điều kiện để các doanh nghiệp nâng cao tỷ lệ sử dụng nguyên liệu, linh kiện và sản phẩm sản xuất trong nước đối với những mặt hàng có khả năng đáp ứng, trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh tế và yêu cầu sản xuất.

Năm là, thực hiện chặt chẽ công tác quản lý, điều hành thu, chi ngân sách; tăng cường khai thác nguồn thu theo quy định, chống thất thu, quản lý chi tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an sinh. Theo dõi sát diễn biến giá xăng dầu, khí đốt, lương thực, thực phẩm, vật liệu xây dựng và giá dịch vụ; chủ động phương án dự trữ, điều tiết nguồn hàng thiết yếu phục vụ cuối năm và chuẩn bị Tết Nguyên đán 2027. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc niêm yết và bán đúng giá, đấu tranh với hàng giả, hàng kém chất lượng, buôn lậu, gian lận thương mại và các hành vi lợi dụng biến động thị trường để tăng giá bất hợp lý.

Sáu là, tiếp tục thực hiện kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống người dân; đẩy mạnh giải quyết việc làm, đào tạo nghề và mở rộng

diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, chủ động phòng, chống dịch bệnh và bảo đảm an toàn thực phẩm. Đồng thời, tăng cường quản lý trật tự đô thị, bảo đảm an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; đẩy mạnh bảo vệ môi trường, xử lý ô nhiễm, cải thiện hệ thống thoát nước, phòng, chống ngập úng và chủ động ứng phó với thiên tai, thời tiết cực đoan./.

Nơi nhận:
- Cục Thống kê;
- Thường trực Thành uỷ;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Sở Tài chính TP Hà Nội;
- Một số Sở, ngành Thành phố;
- UBND phường, xã;
- Thống kê một số tỉnh, TP;
- Đơn vị thuộc Thống kê HN;
- Lưu: VT, TH.

TRƯỞNG THỐNG KÊ

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CỤC THỐNG KÊ

Phạm Hoài Nam

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu 10 tháng năm 2026

	Đơn vị tính	Ước tính 10 tháng năm 2026	10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 (%)
1. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)	%	-	109,0
2. Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý	Tỷ đồng	127959	184,7
3.Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	4560612	116,0
4. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	916016	116,2
Trong đó: Tổng mức bán lẻ	*Tỷ đồng*	*583596*	*118,1*
5. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	18619	108,6
6. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD	53658	139,1
7. Doanh thu hoạt động vận tải, dịch vụ kho bãi, hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát	Tỷ đồng	259747	123,1
8. Khách du lịch đến Hà Nội *(do cơ sở lưu trú phục vụ)*	1000 Lượt người	7800	123,5
Trong đó: Khách quốc tế	*1000 Lượt người*	*5401*	*124,6*
9. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân	%	-	104,92
10. Tổng thu ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	652220	111,2
11.Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	195686	183,1

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đến ngày 20 tháng 10 năm 2026

	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
I. Nông nghiệp				
1. Cây hàng năm				
Diện tích gieo trồng lúa vụ Mùa	Ha	69855	58249	83,4
Diện tích thu hoạch lúa vụ Mùa	Ha	65500	56102	85,7
Diện tích gieo trồng hoa màu	**Ha**			
Ngô	Ha	2259	3327	147,3
Khoai lang	Ha	147	453	308,2
Đậu tương	Ha	319	499	156,4
Lạc	Ha	77	205	266,2
Rau các loại	Ha	5599	9198	164,3
Đậu các loại	Ha	50	154	308,0
2. Chăn nuôi				
Đàn trâu	Nghìn Con	27,7	26,4	95,3
Đàn bò	Nghìn Con	112,6	106,7	94,8
Đàn lợn (không bao gồm lợn con chưa tách mẹ)	Nghìn Con	1242	1241	99,9
Đàn Gia cầm (gà, vịt, ngan)	Nghìn Con	37395	37582	100,5
Trong đó: Đàn gà	*Nghìn Con*	*28374*	*28530*	*100,5*
II. Lâm nghiệp				
Diện tính rừng trồng mới tập trung	Ha	140	134	95,7
Sản lượng gỗ khai thác	M^3	18140	17238	95,0
Số cây lâm nghiệp trồng phân tán	Nghìn cây	540	514	95,2
III. Thủy Sản				
Diện tích nuôi trồng	**Ha**	**22886**	**23000**	**100,5**
Tổng sản lượng	**Tấn**	**108951**	**114572**	**105,2**
Thủy sản nuôi trông	***Tấn***	***107444***	***113072***	***105,2***
Cá	Tấn	107419	113047	105,2
Thủy sản khác	Tấn	25	25	100,0
Thủy sản khai thác	***Tấn***	***1507***	***1500***	***99,5***

3. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Mười và 10 tháng năm 2026

Đơn vị tính: %

	Tháng 9 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 10 năm 2026 so với tháng trước	Tháng 10 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
TOÀN NGÀNH CÔNG NGHIỆP	**109,5**	**100,8**	**109,9**	**109,0**
Khai khoáng	**108,7**	**97,2**	**109,1**	**108,3**
Khai khoáng khác	108,7	97,2	109,1	108,3
Công nghiệp chế biến, chế tạo	**109,4**	**101,4**	**110,1**	**109,0**
Sản xuất chế biến thực phẩm	104,0	100,4	104,6	105,6
Sản xuất đồ uống	107,8	101,5	108,1	111,6
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	112,5	96,5	112,6	106,0
Dệt	105,8	105,2	105,8	105,7
Sản xuất trang phục	97,6	96,2	100,6	99,5
Sản xuất da và các sản phẩm làm từ da	107,6	116,4	109,4	106,1
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	108,0	99,6	106,2	104,4
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	109,5	90,4	111,6	110,3
In, sao chụp bản ghi các loại	106,4	111,5	107,2	106,3
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	106,7	97,5	107,2	105,8
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	110,1	99,0	113,0	108,2
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	108,4	102,9	110,7	114,3
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	113,9	87,4	110,8	112,4
Sản xuất kim loại	113,1	99,5	110,4	114,2
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	107,7	105,4	106,5	105,4
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	119,0	103,7	119,4	118,6
Sản xuất thiết bị điện	109,3	104,9	113,1	111,0
SX máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	108,4	97,9	106,0	106,9
Sản xuất xe có động cơ	101,3	112,1	101,6	104,3
Sản xuất phương tiện vận tải khác	118,7	103,1	118,8	113,1
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	99,4	98,1	99,9	96,4
Công nghiệp chế biến chế tạo khác	108,9	98,8	109,4	105,1
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị	109,9	103,6	107,8	107,4

3. (Tiếp theo) Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Mười và 10 tháng năm 2026

Đơn vị tính: %

	Tháng 9 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 10 năm 2026 so với tháng trước	Tháng 10 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	**109,4**	**96,2**	**109,5**	**109,5**
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	109,4	96,2	109,5	109,5
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	**112,7**	**96,2**	**107,5**	**109,2**
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	115,9	96,6	103,7	110,4
Thoát nước và xử lý nước thải	110,1	108,1	116,8	105,9
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	110,3	93,1	109,3	108,8

4. Sản lượng sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng Mười và 10 tháng năm 2026

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 9 năm 2026	Ước tính tháng 10 năm 2026	Ước tính 10 tháng năm 2026	So với cùng kỳ năm trước (%)	
					Tháng 10 năm 2026	10 tháng năm 2026
Đá xây dựng	Nghìn M^3	380	370	3316	109,1	108,3
Sữa và kem chưa cô đặc	Triệu Lít	14	15	136	84,4	85,7
Sữa và kem dạng bột	Tấn	285	286	2748	119,4	100,7
Kẹo cứng, kẹo mềm	Tấn	1406	1740	11762	101,5	93,8
Bia các loại	Triệu Lít	43	41	402	99,0	110,5
Thuốc lá có đầu lọc	Triệu bao	202	195	1815	112,6	106,0
Quần áo người lớn	Nghìn Cái	916	858	9265	97,8	90,3
Áo sơ mi cho người lớn dệt kim	Nghìn Cái	2150	2491	23367	104,7	99,1
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim	Nghìn Cái	6195	4515	51726	94,0	101,8
Giày, dép	Nghìn Đôi	528	603	4622	111,9	104,8
Cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ	M^2	4542	4595	45203	102,8	103,1
Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhăn)	Nghìn Chiếc	6974	6308	60570	150,8	142,5
Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhăn)	Triệu Chiếc	81	69	703	113,2	115,0
Giấy và bìa nhăn	Tấn	8884	7831	71815	113,1	96,1
Băng vệ sinh, tã lót cho trẻ sơ sinh	Tấn	6764	6838	61895	107,8	106,5
Phân bón các loại	Nghìn Tấn	23	25	278	106,7	106,3
Thuốc trừ sâu	Tấn	1380	679	9625	145,8	84,7
Thuốc dạng viên các loại	Tỷ viên	42	42	483	280,6	119,2
Thuốc kháng sinh dạng bột/ cốm	Tấn	10	10	118	62,7	84,4
Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Tấn	193	227	2007	119,0	113,1
Dung dịch đạm huyết thanh	Nghìn Lít	4512	4278	46950	120,6	112,7
Cửa bằng plastic	Tấn	4414	4499	43263	110,4	150,6
Sản phẩm bằng plastic còn lại	Tấn	4614	4669	42985	96,9	99,5
SP vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	Nghìn Cái	417	495	3615	165,4	121,1
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	Nghìn M^3	358	382	3536	131,1	160,2
Ống không nối, mặt cắt tròn bằng thép	Tấn	6610	6720	61929	106,8	106,5
Cửa bằng sắt, thép	Nghìn M^2	80	74	734	109,8	110,7

4. (Tiếp theo) Sản lượng sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng Mười và 10 tháng năm 2026

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 9 năm 2026	Ước tính tháng 10 năm 2026	Ước tính 10 tháng năm 2026	So với cùng kỳ năm trước (%)	
					Tháng 10 năm 2026	10 tháng năm 2026
Máy copy - in	Nghìn Cái	799	941	8157	128,6	138,4
Trạm (thiết bị) thu phát gốc	Nghìn Cái	217	200	1799	179,7	116,9
Máy biến thế điện các loại	Chiếc	4493	4970	43097	116,5	107,9
Bộ phận thiết bị và điều khiển điện	Tấn	4	5	41	96,3	78,4
Tủ lạnh, loại sử dụng trong gia đình	Nghìn Cái	41	40	371	80,1	95,5
Quạt công suất không quá 125W	Nghìn Cái	148	168	1802	136,0	98,2
Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời	Nghìn Cái	24	28	275	73,8	80,0
Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	Nghìn cái	2812	3404	31483	97,3	101,1
Phụ tùng khác của xe có động cơ	Triệu Cái	68	66	694	86,4	98,4
Bộ phận tua bin phản lực, tua bin cánh quạt	Nghìn cái	10	15	104	144,3	107,6
Xe mô tô, xe máy xi lanh ≤ 250cc	Nghìn Chiếc	43	31	443	84,8	130,6
Các bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, xe máy và xe thùng khác	Nghìn Tấn	44	44	398	120,5	110,5
Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	Nghìn Chiếc	65	62	506	97,6	116,0
Bàn bằng gỗ các loại	Nghìn Chiếc	407	397	3942	94,9	94,4
Ghế có khung bằng kim loại	Nghìn Chiếc	324	345	2415	129,3	88,3
Điện thương phẩm	Triệu Kwh	2771	2666	25305	109,5	109,5
Nước máy thương phẩm uống được	Triệu M^3	45	43	396	103,8	112,3

5. Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp

Đơn vị tính: %

	Tháng 10 năm 2026 so với tháng 9 năm 2026	Tháng 10 năm 2026 so với tháng 10 năm 2025	10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025
TOÀN NGÀNH CÔNG NGHIỆP	**100,4**	**101,4**	**100,8**
Phân theo loại hình			
Nhà nước	100,2	102,6	103,0
Ngoài nhà nước	100,1	100,7	98,1
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	100,6	101,5	102,0
Phân theo ngành kinh tế			
Khai khoáng	100,0	96,7	84,6
Công nghiệp chế biến, chế tạo	100,4	101,5	100,8
SX và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	100,2	102,3	102,4
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	100,3	99,0	100,5

6. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng Mười và 10 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng; %

	KH năm 2026	Thực hiện tháng 9 năm 2026	Ước tính tháng 10 năm 2026	Ước tính 10 tháng năm 2026	Tháng 10 năm 2026 so với		10 tháng năm 2026 so với	
					tháng trước	cùng kỳ năm trước	kế hoạch năm 2026	cùng kỳ năm trước
TỔNG SỐ	**171001**	**18897**	**19990**	**127959**	**105,8**	**206,8**	**74,8**	**184,7**
Vốn ngân sách Nhà nước cấp thành phố	***101905***	***13758***	***14403***	***85406***	***104,7***	***338,9***	***83,8***	***277,7***
Vốn cân đối ngân sách thành phố	94258	12568	13486	78262	107,3	440,9	83,0	361,9
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	*62112*	*7412*	*7901*	*41831*	*106,6*	*551,1*	*67,3*	*426,9*
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	3901	677	542	3837	80,1	53,9	98,4	58,2
Vốn nước ngoài (ODA)	3321	455	336	2893	73,9	218,1	87,1	128,8
Xổ số kiến thiết	425	58	39	414	66,7	121,0	97,3	140,9
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	***69096***	***5139***	***5587***	***42553***	***108,7***	***103,1***	***61,6***	***110,5***
Vốn cân đối ngân sách xã	42069	2663	2870	22562	107,8	366,8	53,6	542,9
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	*20763*	*1303*	*1399*	*11388*	*107,4*	*214,0*	*54,8*	*328,1*
Vốn thành phố hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	27027	2476	2717	19991	109,7	58,6	74,0	58,2

7. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tháng Mười và 10 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng; %

	Thực hiện tháng 9 năm 2026	Ước tính tháng 10 năm 2026	Ước tính 10 tháng năm 2026	Tháng 10 năm 2026 so với		10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	**509080**	**522800**	**4560612**	**102,7**	**122,6**	**116,0**
Phân theo loại hình kinh tế						
Nhà nước	36389	37300	350732	102,5	113,4	110,0
Ngoài Nhà nước	450717	463000	4007849	102,7	123,9	116,8
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	21974	22500	202031	102,4	113,5	111,3
Chia theo ngành hoạt động						
Thương nghiệp	414566	426200	3698467	102,8	121,5	117,0
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	16330	17000	132457	104,1	120,7	117,0
Du lịch lữ hành	4360	4560	34681	104,6	120,2	117,1
Dịch vụ khác	73824	75040	695007	101,6	129,6	110,8
Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	**101596**	**104180**	**916016**	**102,5**	**119,8**	**116,2**
Phân theo loại hình kinh tế						
Nhà nước	10947	11230	105157	102,6	118,1	113,4
Ngoài Nhà nước	86623	88830	774596	102,5	119,9	116,7
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	4026	4120	36263	102,3	123,3	113,5
Chia theo ngành hoạt động						
Bán lẻ hàng hóa	63365	64780	583596	102,2	120,7	118,1
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	16329	17000	132457	104,1	120,7	117,0
Du lịch lữ hành	4360	4560	34681	104,6	120,2	117,1
Dịch vụ khác	17542	17840	165282	101,7	116,0	109,2
Cơ cấu tổng mức bán lẻ (%)						
Nhà nước	10,8	10,8	11,5	-	-	-
Ngoài Nhà nước	85,2	85,3	84,6	-	-	-
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	4,0	3,9	3,9	-	-	-

8. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Mười và 10 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng; %

	Thực hiện tháng 9 năm 2026	Ước tính tháng 10 năm 2026	10 tháng năm 2026		Tháng 10 năm 2026 so với		10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
			Tổng mức	Cơ cấu (%)	tháng trước	cùng kỳ năm trước	
TỔNG SỐ	**101596**	**104180**	**916015**	**100,0**	**102,5**	**119,8**	**116,2**
Bán lẻ hàng hóa	***63365***	***64780***	***583596***	***63,7***	***102,2***	***120,7***	***118,1***
Lương thực, thực phẩm	14235	14550	128810	14,1	102,2	122,7	117,5
Hàng may mặc	3655	3720	38087	4,2	101,8	120,4	113,9
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	7578	7750	68688	7,5	102,3	121,7	117,1
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	848	865	8389	0,9	101,9	118,1	108,5
Gỗ và vật liệu xây dựng	1293	1310	12168	1,3	101,3	120,7	117,0
Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	7006	7150	61719	6,7	102,1	119,1	117,9
Phương tiện đi lại (trừ ô tô con, kể cả phụ tùng)	1452	1485	13504	1,5	102,3	119,4	116,3
Xăng, dầu các loại	11162	11420	102338	11,2	102,3	124,7	120,2
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	807	825	7250	0,8	102,3	125,1	118,7
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	1999	2050	20497	2,2	102,6	114,3	126,5
Hàng hóa khác	11892	12185	108873	11,9	102,5	116,6	118,9
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	1438	1470	13273	1,4	102,3	118,6	116,1
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	***16329***	***17000***	***132457***	***14,5***	***104,1***	***120,7***	***117,0***
Dịch vụ lưu trú	2060	2100	15792	1,7	101,9	122,1	117,9
Dịch vụ ăn uống	14269	14900	116665	12,7	104,4	120,5	116,9
Du lịch lữ hành	***4360***	***4560***	***34681***	***3,8***	***104,6***	***120,2***	***117,1***
Dịch vụ khác	***17542***	***17840***	***165282***	***18,0***	***101,7***	***116,0***	***109,2***

9. Vận tải hành khách tháng Mười và 10 tháng năm 2026

	Thực hiện tháng 9 năm 2026	Ước tính tháng 10 năm 2026	Ước tính 10 tháng năm 2026	Tháng 10 năm 2026 so với (%)		10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	**54671**	**56978**	**525013**	**104,2**	**124,1**	**123,6**
Đường bộ	52878	55176	509560	104,3	125,0	123,5
Đường sắt	1551	1557	13134	100,4	98,6	132,4
Đường thủy nội địa	242	245	2319	101,2	124,8	119,2
II. Luân chuyển (Triệu lượt HK.km)	**1528**	**1587**	**14749**	**103,8**	**122,8**	**120,1**
Đường bộ	1513	1572	14616	103,9	123,1	120,0
Đường sắt	13	13	110	100,1	97,6	132,5
Đường thủy nội địa	2	2	23	101,0	135,2	127,9

10. Vận tải hàng hóa tháng Mười và 10 tháng năm 2026

	Thực hiện tháng 9 năm 2026	Ước tính tháng 10 năm 2026	Ước tính 10 tháng năm 2026	Tháng 10 năm 2026 so với (%)		10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	**171488**	**172194**	**1658571**	**100,4**	**109,6**	**109,3**
Đường bộ	163046	163710	1577543	100,4	109,1	108,8
Đường sắt	213	220	2068	103,2	110,7	107,4
Đường biển	7766	7799	74443	100,4	120,6	120,8
Đường thủy nội địa	463	465	4517	100,6	112,7	111,4
II. Luân chuyển (Triệu tấn.km)	**18190**	**18274**	**175155**	**100,5**	**119,3**	**119,0**
Đường bộ	4732	4758	46525	100,5	105,8	107,1
Đường sắt	15	15	147	101,4	107,2	106,9
Đường biển	13388	13446	127943	100,4	124,9	124,1
Đường thủy nội địa	55	55	540	100,4	112,6	113,3

11. Doanh thu vận tải, dịch vụ kho bãi, hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát tháng Mười và 10 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng; %

	Thực hiện tháng 9 năm 2026	Ước tính tháng 10 năm 2026	Ước tính 10 tháng năm 2026	Tháng 10 năm 2026 so với		10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
TỔNG SỐ	**27078**	**27634**	**259747**	**102,1**	**125,2**	**123,1**
Vận tải hành khách	***3078***	***3122***	***29014***	***101,4***	***136,8***	***133,5***
Đường bộ	3039	3083	28617	101,4	137,1	133,4
Đường sắt	16	16	177	100,6	98,3	150,8
Đường thủy nội địa	23	23	220	100,9	135,0	127,8
Vận tải hàng hóa	***11423***	***11498***	***108930***	***100,7***	***128,4***	***126,2***
Đường bộ	6369	6420	61621	100,8	119,3	118,4
Đường sắt	19	19	183	100,5	121,0	119,1
Đường biển	4943	4967	46225	100,5	142,8	138,7
Đường thủy nội địa	92	92	901	100,8	106,3	113,5
Dịch vụ kho bãi và hỗ trợ vận tải	***10987***	***11406***	***106335***	***103,8***	***119,8***	***117,8***
Bưu chính, chuyển phát	***1590***	***1608***	***15468***	***101,1***	***121,7***	***121,2***

12. Khách du lịch tháng Mười và 10 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Nghìn Lượt người; %

	Thực hiện tháng 9 năm 2026	Ước tính tháng 10 năm 2026	Ước tính 10 tháng năm 2026	Tháng 10 năm 2026 so với		10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
Khách đến Hà Nội (do cơ sở lưu trú phục vụ)	**781**	**920**	**7800**	**117,8**	**116,8**	**123,5**
a. Khách nội địa	278	285	2399	102,5	117,5	120,9
Chia ra						
Khách trong ngày	116	120	1039	103,4	118,2	119,6
Khách ngủ qua đêm	162	165	1360	101,9	117,0	121,9
b. Khách quốc tế	503	635	5401	126,2	116,5	124,6
Khách do cơ sở lữ hành phục vụ	**392**	**400**	**3525**	**102,0**	**105,4**	**128,1**
Khách quốc tế	61	65	563	103,4	118,2	169,1
Khách trong nước	331	335	2962	101,2	103,2	122,5

13. Kim ngạch xuất khẩu tháng Mười và 10 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Triệu USD; %

	Thực hiện tháng 9 năm 2026	Ước tính tháng 10 năm 2026	Ước tính 10 tháng năm 2026	Tháng 10 năm 2026 so với		10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
TỔNG SỐ	**1904**	**1914**	**18619**	**100,5**	**110,7**	**108,6**
Phân theo khu vực kinh tế						
Khu vực kinh tế trong nước	1006	1012	10035	100,6	111,7	102,8
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	898	902	8584	100,3	109,7	116,2
Phân theo nhóm hàng						
Hàng nông sản	106	107	1486	100,7	125,9	122,8
Trong đó: + Gạo	*11*	*11*	*329*	*100,4*	*68,6*	*80,2*
+ Cà phê	*25*	*25*	*395*	*100,3*	*225,6*	*149,7*
Hàng dệt may	194	194	1928	100,1	95,1	96,1
Giầy dép các loại và SP từ da	36	36	374	100,6	100,2	102,7
Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện	285	286	2809	100,4	112,0	119,2
Hàng gốm sứ	18	18	179	100,1	91,2	100,2
Xăng dầu	95	96	812	100,2	245,0	169,6
Máy móc thiết bị phụ tùng	306	306	2757	100,1	93,2	98,9
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	36	37	326	100,3	117,0	116,6
Phương tiện vận tải và phụ tùng	266	266	2542	100,2	120,2	110,2
Gỗ và sản phẩm từ gỗ	55	55	594	100,2	88,5	89,2
Điện thoại và linh kiện	-	5	45	1308,9	101,9	33,1
Hàng hoá khác	507	508	4767	100,2	115,3	108,7

14. Kim ngạch nhập khẩu tháng Mười và 10 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Triệu USD; %

	Thực hiện tháng 9 năm 2026	Ước tính tháng 10 năm 2026	Ước tính 10 tháng năm 2026	Tháng 10 năm 2026 so với		10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
TỔNG SỐ	**5582**	**5593**	**53658**	**100,2**	**132,6**	**139,1**
Phân theo khu vực kinh tế						
Khu vực kinh tế trong nước	4547	4636	44557	102,0	134,8	141,6
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1035	957	9101	92,4	123,0	128,0
Phân theo nhóm hàng						
Máy móc thiết bị, phụ tùng	1188	1190	11061	100,2	129,2	139,3
Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện	448	449	3986	100,3	133,3	135,5
Phương tiện vận tải và phụ tùng	544	546	5459	100,3	133,6	169,8
Hàng điện gia dụng và linh kiện	61	61	771	100,2	153,5	135,2
Xăng dầu	712	713	7024	100,2	287,7	212,7
Sắt thép	208	209	2001	100,4	93,4	106,6
Chất dẻo	133	134	1257	100,3	126,3	106,2
Thức ăn gia súc	64	64	602	100,2	119,2	99,1
Vải	101	101	910	100,3	120,6	105,8
Kim loại khác	179	179	1790	100,2	99,8	112,9
Ngô	68	69	699	100,5	105,3	137,9
Sản phẩm chất dẻo	112	112	963	100,2	142,5	126,3
Sản phẩm hóa chất	102	102	943	100,4	121,2	123,1
Hàng hóa khác	1662	1664	16192	100,1	119,8	130,0

15. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ tháng Mười và bình quân 10 tháng năm 2026

Đơn vị tính: %

	Tháng 10 năm 2026 so với:				Bình quân
	Kỳ gốc (2019)	Tháng 10 năm 2025	Tháng 12 năm 2025	Tháng 9 năm 2026	10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	**112,01**	**105,03**	**104,62**	**100,15**	**104,92**
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	108,33	103,59	102,31	99,77	104,90
Trong đó: Lương thực	*108,43*	*102,35*	*100,82*	*99,74*	*102,39*
Thực phẩm	*107,79*	*102,80*	*101,16*	*99,57*	*104,51*
Ăn uống ngoài gia đình	*109,74*	*106,18*	*105,98*	*100,28*	*106,87*
Đồ uống và thuốc lá	106,79	104,68	104,35	100,16	103,67
May mặc, mũ nón và giày dép	105,28	103,14	102,78	100,07	102,38
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	120,61	107,07	107,25	100,31	107,41
Thiết bị và đồ dùng gia đình	106,13	103,62	102,99	99,81	103,26
Thuốc và dịch vụ y tế	105,72	100,77	100,68	100,01	100,48
Trong đó: Dịch vụ khám sức khỏe	*108,54*	*100,12*	*100,12*	*100,02*	*100,06*
Giao thông	109,58	113,71	113,69	101,93	107,56
Bưu chính viễn thông	99,30	98,88	98,93	99,57	99,44
Giáo dục	129,11	102,58	102,56	100,00	104,59
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	*132,09*	*102,94*	*102,94*	*100,00*	*104,97*
Văn hoá, giải trí và du lịch	102,21	103,52	104,11	99,48	103,77
Hàng hóa và dịch vụ khác	106,95	103,86	103,44	100,02	103,39
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	**188,18**	**98,05**	**92,39**	**96,70**	**140,20**
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	**103,98**	**98,97**	**98,88**	**99,71**	**101,01**

15. Thu - Chi ngân sách Nhà nước 10 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng; %

	Ước tính 10 tháng năm 2026	10 tháng năm 2026 so với dự toán	10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	**652220**	**100,3**	**111,2**
Thu nội địa	***611041***	***100,2***	***110,4***
Thu từ doanh nghiệp nhà nước	71776	85,9	105,2
Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	39886	94,5	134,1
Thu từ khu vực CTN-DV ngoài Nhà nước	148807	104,4	126,4
Thuế thu nhập cá nhân	53848	77,5	99,8
Thuế bảo vệ môi trường	1161	32,2	43,0
Thu phí, lệ phí cân đối ngân sách	26555	88,5	123,7
Lệ phí trước bạ	6549	64,2	95,3
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	661	94,4	105,8
Thu tiền sử dụng đất	98362	118,7	109,8
Thu tiền cho thuê đất, mặt nước	16439	109,6	115,4
Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	6749	96,4	129,6
Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	445	104,7	118,9
Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	59195	112,3	98,1
Thu khác ngân sách	13888	69,4	98,6
Thu từ dầu thô	***2876***	***82,2***	***128,8***
Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	***37088***	***101,3***	***120,0***
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (TP giao)	**195686**	**82,9**	**183,1**
Chi đầu tư phát triển	***128938***	***75,4***	***266,3***
Chi thường xuyên	***66622***	***83,0***	***114,3***

18. Tín dụng ngân hàng

Đơn vị tính: Nghìn tỷ đồng; %

	Thực hiện đến 30/9/2026	Ước tính đến 31/10/2026	Ước đến 31/10/2026 so với 30/9/2026	Ước đến 31/10/2026 so với 31/12/2025
NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG	**7821**	**7925**	**101,34**	**111,93**
Tiền gửi	**6875**	**6971**	**101,40**	**111,15**
Tiền gửi tiết kiệm	2132	2183	102,42	119,45
Tiền gửi có kỳ hạn	3323	3358	101,05	109,45
Tiền gửi thanh toán	1420	1430	100,70	103,90
Phát hành giấy tờ có giá	**946**	**954**	**100,89**	**117,97**
Trong đó: Đồng Việt Nam	*936*	*944*	*100,90*	*118,20*
TỔNG DƯ NỢ	**6577**	**6768**	**102,90**	**117,17**
Phân theo kì hạn				
Dư nợ ngắn hạn	2528	2578	101,95	113,17
Dư nợ trung và dài hạn	4049	4190	103,50	119,78
Phân theo nội ngoại tệ				
Dư nợ bằng VND	6268	6451	102,92	115,95
Dư nợ bằng Ngoại tệ	309	317	102,50	149,43

19. Trật tự, an toàn xã hội tháng Mười và 10 tháng năm 2026

(Từ ngày 15 tháng 9 năm 2026 đến ngày 14 tháng 10 năm 2026)

	Đơn vị tính	Tháng 9 năm 2026	Tháng 10 năm 2026	10 tháng năm 2026	Tháng 10 năm 2026 so với (%)		10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
					tháng trước	cùng kỳ năm trước	
Phạm pháp hình sự							
Số vụ phạm pháp hình sự	Vụ	379	305	3470	80,5	63,1	67,9
Số vụ phạm pháp do công an khám phá	Vụ	129	116	1671	89,9	33,1	54,9
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	245	165	3205	67,3	28,0	60,0
Số vụ phát hiện vi phạm pháp luật về kinh tế	Vụ	261	310	3171	118,8	62,9	124,5
Số đối tượng bị xử lý	Người	340	431	3866	126,8	78,9	130,4
Tệ nạn xã hội							
Số vụ cờ bạc	Vụ	44	61	618	138,6	80,3	182,8
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	113	160	2205	141,6	55,9	145,9
Số vụ vi phạm pháp luật về ma túy	Vụ	164	220	2998	134,1	48,4	105,6
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	453	670	6889	147,9	96,4	145,3
Số vụ xử lý hình sự	Vụ	147	207	2837	140,8	46,4	101,9
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	336	569	6025	169,3	87,5	138,5
Tai nạn giao thông							
Số vụ tai nạn giao thông	***Vụ***	***106***	***101***	***839***	***95,3***	***93,5***	***82,5***
Đường bộ	"	104	100	825	96,2	93,5	82,3
Đường sắt	"	1	1	13	100,0	-	92,9
Đường thủy	"	1	-	1	-	-	-
Số người chết	***Người***	***65***	***55***	***542***	***84,6***	***100,0***	***101,3***
Đường bộ	"	63	54	321	85,7	98,2	61,1
Đường sắt	"	1	1	10	-	-	100,0
Đường thủy	"	1	-	1	-	-	-
Số người bị thương	***"***	***58***	***71***	***484***	***122,4***	***95,9***	***65,9***
Đường bộ	"	58	71	482	122,4	97,3	65,9
Đường sắt	"	-	-	2	-	-	50,0
Cháy, nổ							
Số vụ cháy, nổ	Vụ	60	56	608	93,3	87,5	68,0
Số người chết	Người	3	7	20	233,3	70,0	80,0
Số người bị thương	Người	6	4	25	66,7	200,0	166,7
Vi phạm môi trường							
Số vụ vi phạm đã phát hiện	Vụ	506	488	5521	96,4	28,8	84,2
Số vụ đã xử lý	Vụ	492	486	5399	98,8	30,1	85,3
Số đối tượng bị xử lý	Người	493	486	5427	98,6	29,7	85,0